



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 13.2024/HHA/CV

(V/v CBTT báo cáo thường niên SJ1 năm tài
chính 2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Quang Chính – Tổng Giám đốc.
7. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm tài chính 2023.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: <https://himex.vn>

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *lh*

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên SJ1 năm tài chính 2023.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VŨ QUANG CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2023



<https://himex.vn>



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26 Định hướng phát triển
- 30 Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 40 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 42 Tổ chức và nhân sự
- 52 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 58 Tình hình tài chính
- 64 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 68 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 76 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 80 Tình hình tài chính
- 82 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 83 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 84 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 86 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 90 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 92 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 96 Hội đồng quản trị
- 106 Ủy ban kiểm toán
- 109 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

06

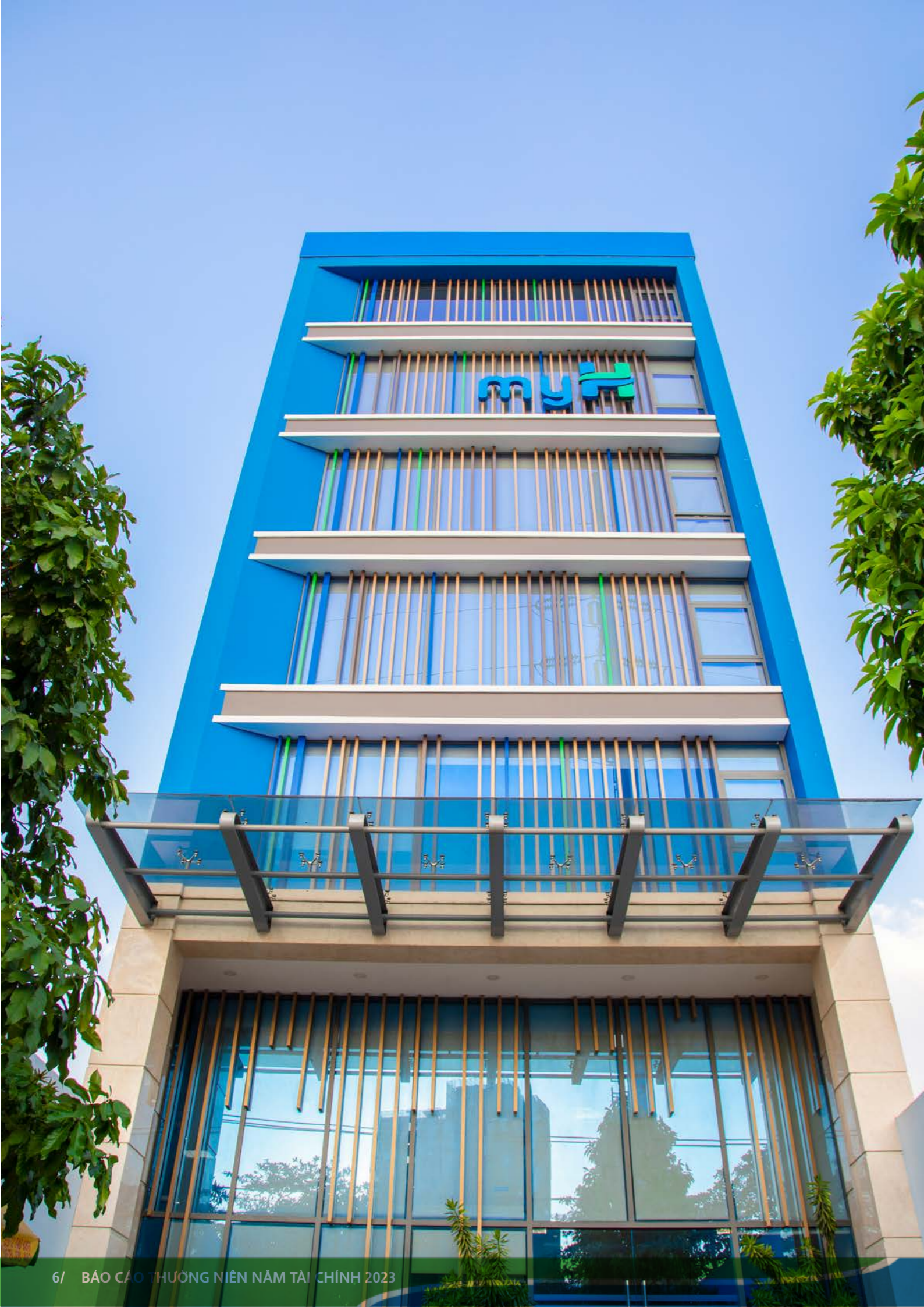
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023 (RIÊNG + HỢP NHẤT)



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- CTCP: Công ty cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- UBKT: Ủy ban kiểm toán
- TGD: Tổng Giám đốc
- TV: Thành viên
- GTGT: Giá trị gia tăng
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- TP. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- KCN: Khu Công nghiệp
- VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản
- HĐKD: Hoạt động kinh doanh
- R&D: Nghiên cứu và Phát triển
- MMTB: máy móc thiết bị
- NLĐ: Người lao động
- CCP: điểm kiểm soát tới hạn
- ATVSTP: An toàn vệ sinh thực phẩm
- BCHCĐ: Ban chi hội Công đoàn
- ATTP-VSCN: An toàn thực phẩm - vệ sinh công nghiệp.





01

THÔNG TIN CHUNG

- 10 Thông tin khái quát
- 12 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 22 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 28 Định hướng phát triển
- 32 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU
Tên tiếng Anh	: HUNG HAU AGRICULTURAL CORPORATION
Mã cổ phiếu	: SJ1
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
Vốn điều lệ	: 234.851.540.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 234.851.540.000 đồng



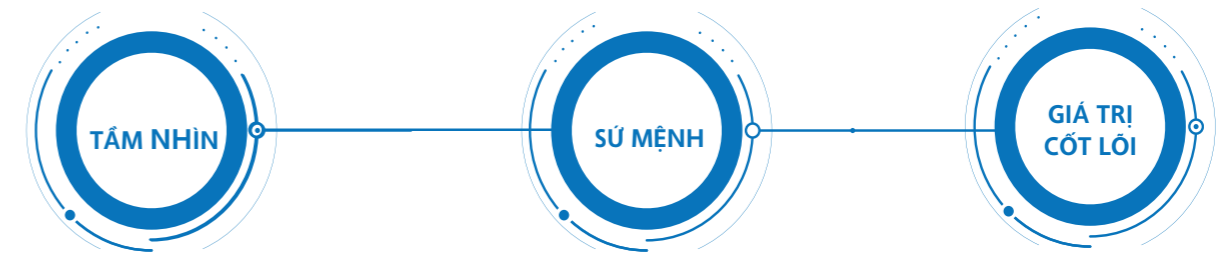
Vốn điều lệ (VNĐ)

234.851.540.000



Số điện thoại	: (028) 3974 1135- (028) 3974 1136
Số fax	: (028) 3974 1280
Website	: https://himex.vn
Địa chỉ	: 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Logo	:

TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự.

SỨ MỆNH

Công ty cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

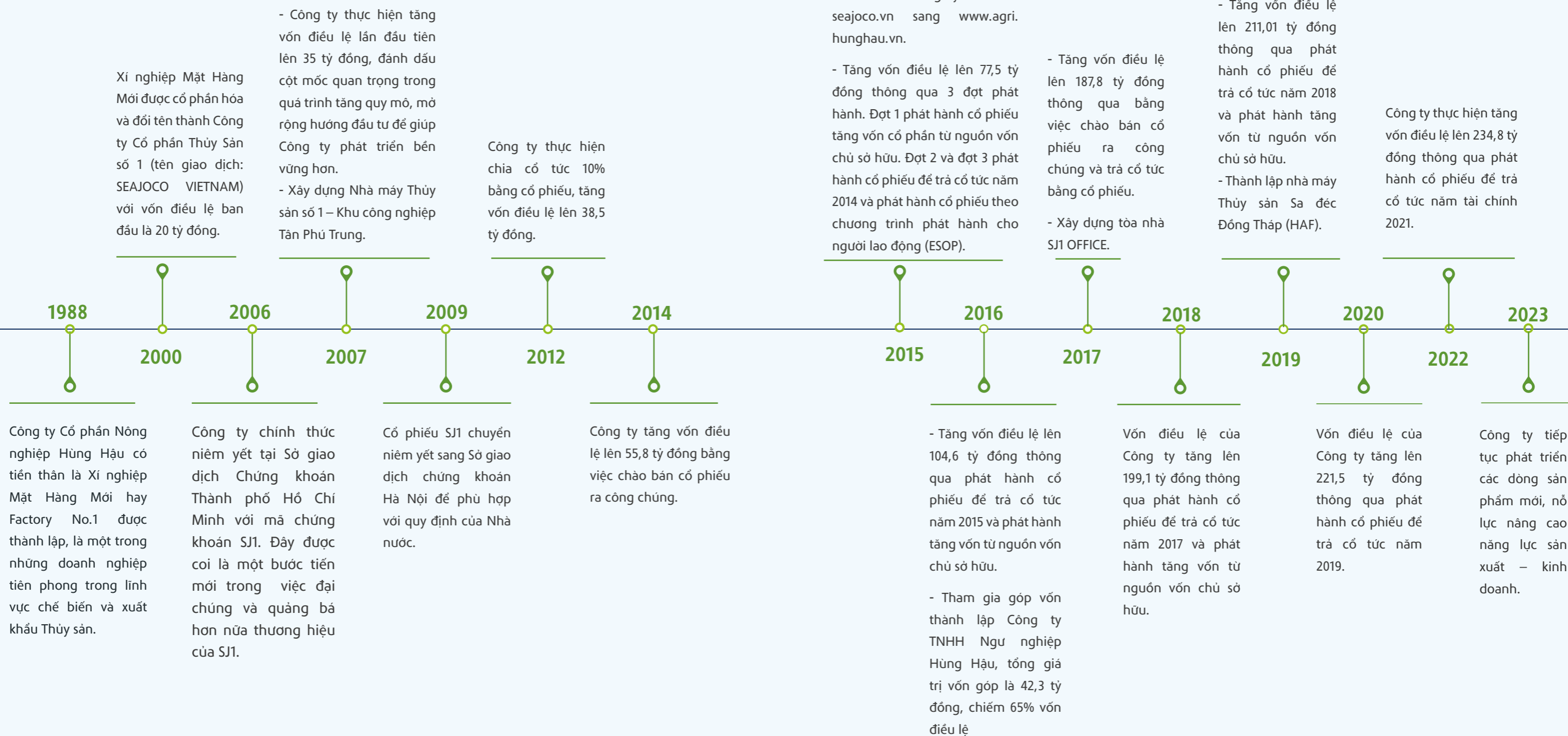
Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai. Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tin nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài.





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10/07/2000 và thay đổi lần thứ 29 vào ngày 17/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:



STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
	1020 (Chính)
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản
2	(0322) Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở)
3	(1010) Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản
4	(1030) Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản
5	(4690) Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hoá, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hoá chất, công nghệ phẩm
6	(3320) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp.
7	4321) Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt công trình hệ thống điện
8	(4620) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, bán buôn hoa và cây, bán buôn động vật sống, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở)
9	(4632) Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở)
10	(6619) Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
11	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản)
12	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt công trình điều hòa không khí. (không gia công cơ khí, tải chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)
13	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: thuốc trừ cỏ, thuốc chống này mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây và các hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở và doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)
14	(8541) Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở)
15	(8542) Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở)
16	(8543) Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở)
17	(4101) Xây dựng nhà để ở
18	(4102) Xây dựng nhà không để ở
19	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, sản phẩm của Hùng Hậu đã có mặt hầu hết tại các thị trường trong và ngoài nước, với hàng loạt các sản phẩm đáp ứng từ nhu cầu người tiêu dùng năng động đến người tiêu dùng có yêu cầu khó tính nhất về chất lượng và dinh dưỡng sản phẩm. Có thể kể đến các thị trường xuất khẩu hàng như Châu Á, EU, Úc, vv...



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI:

Sản phẩm của Công ty được phân phối trên thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường trong nước, Sản phẩm HappyFood đã đến tay người tiêu dùng qua thương hiệu của Pizzahut Việt Nam, Lotteria Việt Nam, Nhà hàng Thai Express, Nhà hàng Xiên Que, BBQ Việt Nam, Metro, Lotte mart, v.v... . Ngoài ra, dòng sản phẩm chế biến sẵn Happy Food của Công ty được phân phối qua các kênh thương mại điện tử như: Shopee, Lazada, Voso.vn, Sendo, ỚnBạc, Vidas,... Cùng với đó, sản phẩm chế biến thủy sản mang thương hiệu Hùng Hậu cũng dần có mặt tại các thị trường xuất khẩu lớn trên thế giới và ngày càng mở rộng đối tượng khách hàng tiêu dùng.

Các sản phẩm của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu với hơn 250 mặt hàng đã có mặt tại 25 quốc gia trên thế giới, trong đó có các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu. Các thị trường trọng điểm như Châu Á chiếm 56% (Hàn Quốc, Nhật bản, Đài Loan, Hongkong, Malaysia), châu Âu chiếm 41% (gồm Bỉ, Pháp, Hà Lan...), còn lại các thị trường khác chiếm 3% (Úc, Mauritius, Venezuela,...)..



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC

- Chứng nhận DL01: Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU.
- Chứng nhận ISO 22000:2005: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống an toàn thực phẩm do Ủy ban kỹ thuật ISO/TC 34 ban hành.
- Chứng nhận HALAL: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.
- Chứng nhận BRC (British Retail Consortium): Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu.
- Chứng nhận HACCP (Hazard Analysis and Critical Control Point): Hệ thống phân tích, xác định và tổ chức kiểm soát các mối nguy hiểm trọng yếu trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm.
- Chứng nhận ASC (Aquaculture Stewaship Council): Chứng nhận của Hội đồng quản lý Nuôi trồng Thủy sản.

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

CHỨNG NHẬN ISO 22000:2005:



CHỨNG NHẬN BRC (BRITISH RETAIL CONSORTIUM):



CHỨNG NHẬN ASC (AQUACULTURE STEWASHIP COUNCIL):



CHỨNG NHẬN HALAL:



CHỨNG NHẬN HACCP (HAZARD ANALYSIS AND CRITICAL CONTROL POINT)



HUNG HAU AGRICULTURAL CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, ĐỊA BÀN KINH DOANH

CÁC CHỨNG NHẬN VÀ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC

STT	GIẢI THƯỞNG
Năm 1992	Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.
Năm 1998	Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.
Năm 2002 - 2008	Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà".
Năm 2004, Năm 2005, Năm 2007	Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.
Năm 2006	Cúp vàng thương hiệu hội nhập. Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006).
Năm 2003 - Năm 2012	Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.
Năm 2013	Nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.
Năm 2014	Nhận bằng khen của Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao và Cờ Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể.



STT	GIẢI THƯỞNG
Năm 2015	Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015. Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty.
Năm 2016	Ngày 29/7/2016, Công ty được vinh danh trong TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016 tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức. Ngày 05/9/2016, Công ty được nhận giải: "AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards" của Asean Business Advisory Council. Ngày 06/12/2016, Công ty vinh dự nhận được danh hiệu "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015".
Năm 2018	Ngày 01/12/2018 Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập".
Năm 2020	Tháng 02/2020 và tháng 06/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn. Ngày 01/07/2020, Công đoàn Cơ sở Công ty được Ban Chấp hành Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trao tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, giai đoạn 2015 – 2020. Ngày 12/08/2020, Công ty đạt chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do Người tiêu dùng bình chọn (ngành hàng Thực phẩm).
Năm 2021	Tháng 5/2021, Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà" năm 2020 của Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
Năm 2022	Tháng 11/2022, Công ty vinh dự là đơn vị có 4 lần liên tiếp đạt chứng nhận Thương hiệu Quốc gia với dòng sản phẩm chế biến sẵn của Happy Food

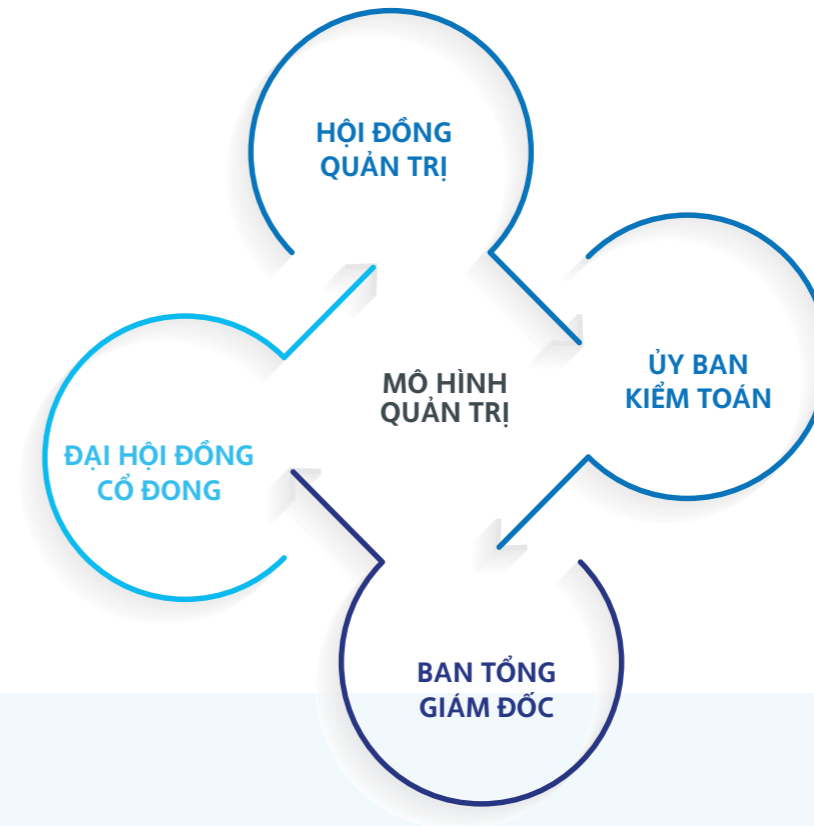


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày 28/12/2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu thông qua Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thay đổi cơ cấu quản trị Công ty. Theo đó, Công ty hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.

Công ty hoạt động với loại hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

Do Hội đồng quản trị thành lập để kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ. Nhiệm vụ, chức năng của Ủy ban kiểm toán được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc Công ty có 06 người, gồm 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc: Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Đồng thời, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của từng phòng ban trong toàn công ty.



CÁC KHỐI, PHÒNG, BAN CHỨC NĂNG

Các khối, phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về quản lý chi đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN LÝ

Các phòng ban nghiệp vụ:

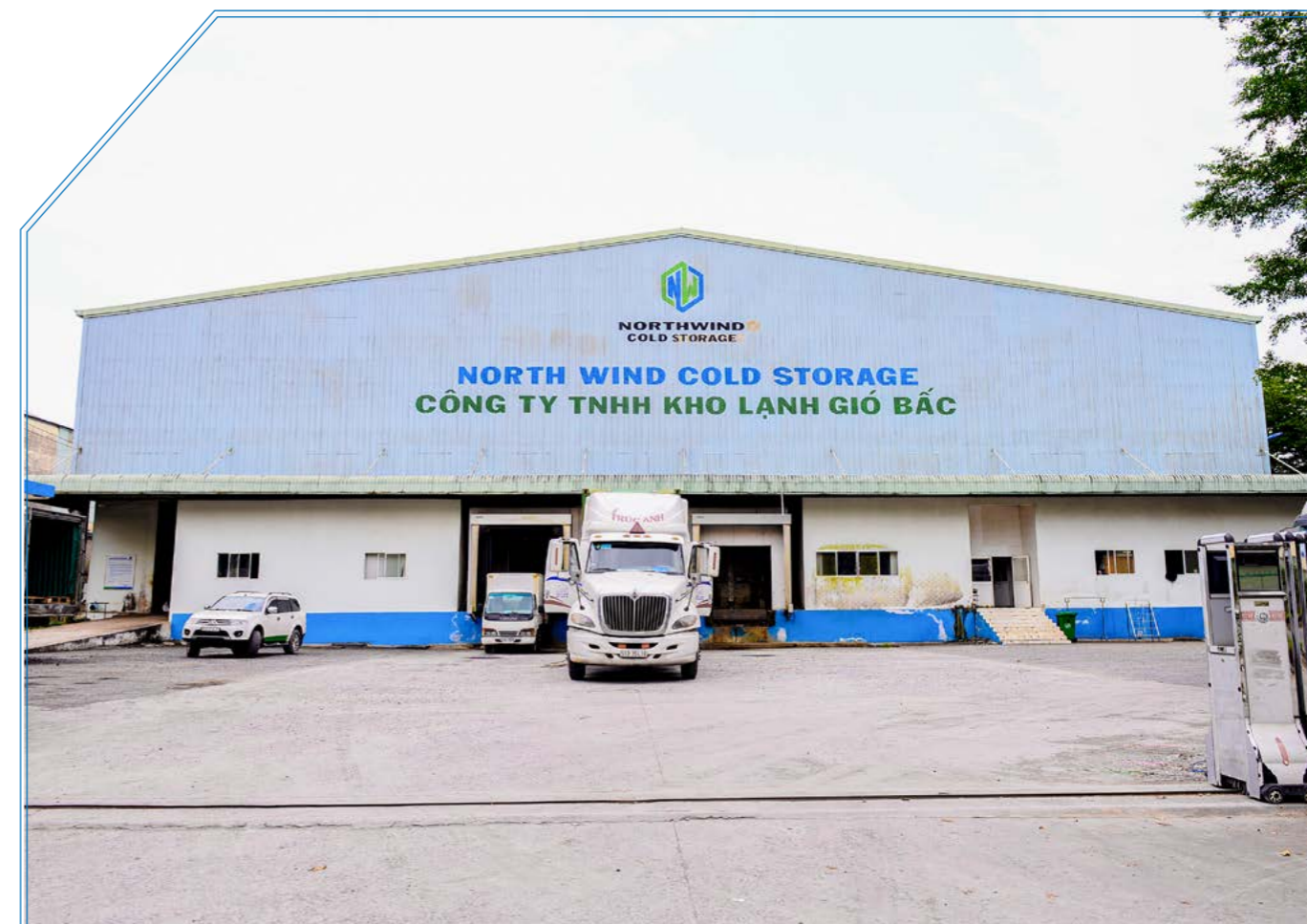
- » Phòng Phát triển kinh doanh
- » Phòng Cung ứng
- » Phòng Xuất nhập khẩu
- » Phòng Điều hành sản xuất
- » Phòng Tài chính kế toán
- » Phòng Hành chính nhân sự





DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)
Công ty con:					
1	Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản...	65	65%
2	Công ty TNHH Happyfood VietNam	Chế biến, bảo quản nông sản và các sản phẩm từ nông sản,...	Chế biến, bảo quản nông sản và các sản phẩm từ nông sản,...	90	51%
Công ty liên kết:					
1	Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	3	30%





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Mục tiêu chủ yếu là tạo ra lợi nhuận cho nhà đầu tư, đồng thời đem lại lợi ích cho cộng đồng và thu nhập cao cho người lao động.
- » SJ1 phục vụ cả thị trường nội địa và quốc tế, sản phẩm của Công ty được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng, nhu cầu, và khẩu vị riêng biệt của từng thị trường và đối tượng tiêu dùng. Với mục tiêu luôn đặt hàng đầu trong việc sáng tạo sản phẩm mới với chất lượng cao, Công ty cam kết tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển, đa dạng hóa các dòng sản phẩm để đáp ứng mong muốn của khách hàng thông qua đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và chuyên môn.
- » Tìm kiếm, lựa chọn và thu mua nguồn nguyên liệu vật liệu sản xuất chế biến trong và ngoài nước được ưu tiên hàng đầu nhằm đảm bảo chất lượng và uy tín của sản phẩm. Công ty tin rằng nguyên liệu đầu vào là yếu tố cốt lõi và tinh hoa của chất lượng sản phẩm.
- » Tập trung đẩy mạnh các mặt hàng chủ lực, tăng cường sản lượng thông qua đầu tư vào các phương tiện và thiết bị tự động hóa, bổ sung máy móc để đáp ứng nhu cầu thị trường bằng việc cung cấp các sản phẩm có quy mô lớn.

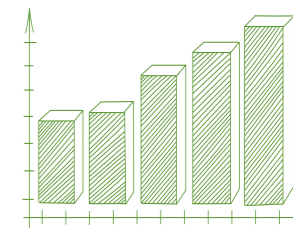
- » Duy trì chiến lược quảng bá và tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh truyền thông điện tử, nhằm tối ưu hóa việc đưa thương hiệu Hùng Hậu gần hơn đến người tiêu dùng.
- » Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- » Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài để thiết lập mối quan hệ mua bán song phương: nhập khẩu hoặc nghiên cứu tạo ra dòng sản phẩm an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- » Tập trung vào việc phát triển quy mô và thị phần trong lĩnh vực chế biến và đóng hộp thủy hải sản, cũng như cung cấp dịch vụ bảo quản thủy sản.
- » Xây dựng và M&A các nhà xưởng, nhà máy thu mua và sản xuất hạt điều, cafe tại Cù Chi, Đăk Nông, Bình Phước, Đăk Lăk, Gia Lai.
- » Liên tục cải tiến quy trình và thiết bị để giảm công nhân lao động, đồng thời tối ưu hóa tất cả các nguồn lực của Công ty, nhằm đảm bảo phát triển bền vững và mở rộng thị trường và khách hàng trong những năm tiếp theo.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Liên tục duy trì và củng cố thương hiệu, đồng thời xây dựng vị thế của Công ty trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản, nông sản nói chung và trên thị trường tiêu thụ nói riêng, thông qua việc sản xuất những sản phẩm độc đáo và đặc trưng.
- » Luôn hướng tới sự đổi mới và học hỏi không ngừng, tập trung vào việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm và nghiên cứu các sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- » Tập trung chi tiết vào việc xây dựng mạng lưới liên kết mạnh mẽ với các khu vực nuôi trồng công nghiệp, sử dụng công nghệ cao để đảm bảo chất lượng và sự ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào.
- » Hoạt động tích cực trong việc tìm kiếm và phát triển các dòng sản phẩm mới để đáp ứng nhanh chóng thị trường đang biến động.
- » Liên tục nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị các dịch vụ mà Công ty cung cấp.
- » Tập trung duy trì và mở rộng kênh phân phối, đặc biệt là trong các hệ thống nhà hàng và khách sạn cao cấp.
- » Hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường xuất khẩu: Tăng cường hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm và năng lực trong việc phát triển thị trường quốc tế, nhằm quảng bá thương hiệu và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm.
- » Xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp và khuyến khích sự sáng tạo, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và sung túc của người lao động và gia đình.
- » Tối đa hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan, đồng thời duy trì cam kết đối với trách nhiệm xã hội và môi trường.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Đầu tư trong lĩnh vực Nghiên cứu và Phát triển (R&D) không chỉ là một xu hướng mà còn là một bước quan trọng đối với các doanh nghiệp nông nghiệp và thực phẩm hàng đầu trên thế giới, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh dài hạn. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đặt trọng tâm vào việc đầu tư R&D, nhằm phát triển những sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn và có khả năng truy xuất nguồn gốc.

- » Nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã xây dựng những mục tiêu kinh tế liên quan đến tăng trưởng, đồng thời kết hợp cùng với những mục tiêu môi trường và xã hội, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời, đóng vai trò quan trọng trong việc khẳng định vị thế, tăng cường uy tín, gia tăng ảnh hưởng và đóng góp vào việc nâng tầm ngành thủy sản và nông sản tại Việt Nam. Cụ thể, Công ty cam kết củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguồn giống, nuôi trồng, chế biến đến phân phối, đặc biệt là thông qua hợp tác hiệu quả với các đối tác chiến lược. Quyết định này nhấn mạnh sự quan trọng của việc xây dựng mối liên kết vững chắc trong toàn bộ quá trình sản xuất.
- » Công ty cũng chú trọng đến việc kết hợp an toàn, thân thiện với môi trường và con người, đánh dấu bước tiến quan trọng để củng cố và phát triển bền vững nền tảng sản xuất hiện có. Đặt tiêu chí đầu tư có trách nhiệm, phát triển bền vững được liên kết chặt chẽ với các mục tiêu kinh doanh và minh bạch thông tin được coi là điều kiện cần thiết trong hoạt động của Doanh nghiệp.
- » Ngoài ra, việc tham gia vào các hoạt động thúc đẩy phát triển bền vững cũng là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của SJ1. Công ty không chỉ đưa ra các sáng kiến mới mà còn hợp tác và triển khai các dự án môi trường và cộng đồng, chia sẻ giá trị vật chất và tinh thần với những cơ sở khó khăn.





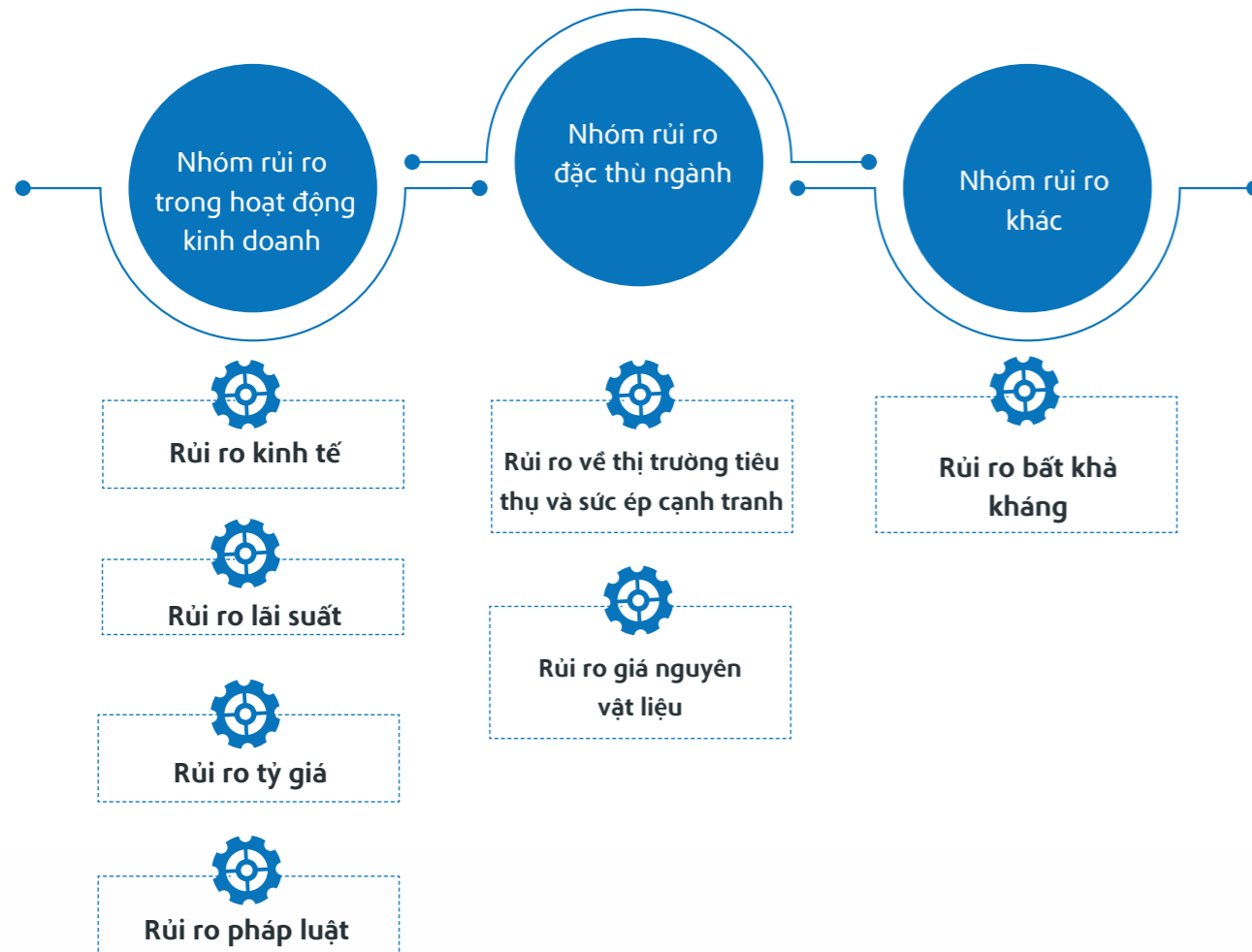
CÁC RỦI RO



CÁC RỦI RO



PHÂN TÍCH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

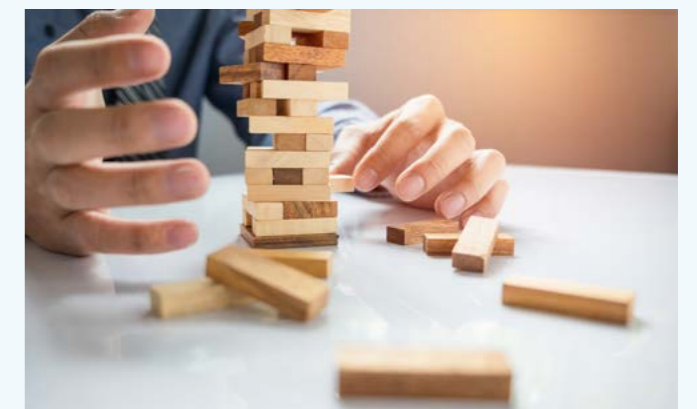
Từ cuối năm 2022 đến 9 tháng đầu năm 2023, kinh tế xã hội trong nước diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn như: các cuộc xung đột Nga – Ukraine, khủng hoảng năng lượng, lương thực,... Trước bối cảnh đó, Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế theo mục tiêu đề ra. Kết quả, tăng trưởng kinh tế của nước ta tính đến tháng 9 năm 2023 (năm tài chính 2023 của SJ1) đạt được kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khẳng định các Chính sách quản lý và hành chính đang dần nâng cao hiệu quả. Theo số liệu tại Tổng cục Thống kê, GDP tính đến quý III năm 2023 ước tính tăng 5,33%, cao nhất so với 2 quý đầu năm (quý I tăng 3,28%; quý II tăng 4,05%). Trong đó, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục vững vàng ổn định, tăng 3,72%, đóng góp 0,44 điểm phần trăm. Tính chung 9 tháng năm 2023, tăng trưởng kinh tế đạt 4,24%; trong đó, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%. Nhìn chung, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn ổn định và có xu hướng tăng nhẹ.



Trong bối cảnh khó khăn đó, ngoài việc cố gắng đạt mức tăng trưởng cao nhất có thể, kinh tế Việt Nam tiếp tục được duy trì ổn định các kinh tế vĩ mô, tình hình lạm phát được kiểm soát và các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng 3,16% so với cùng kỳ, ước cả năm tăng 3,5%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Có được kết quả trên, thể hiện sự nỗ lực lớn của Chính phủ, Quốc hội trong việc chỉ đạo thực hiện đồng bộ các chính sách tài khóa, tiền tệ, trong đó phải kể đến việc chỉ đạo giảm liên tiếp 04 lần lãi suất điều hành, chính sách miễn, giảm lãi suất, giãn, hoãn, cơ cấu lại nợ và thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, cùng với đó là tập trung chỉ đạo xử lý các ngân hàng yếu kém, các dự án, doanh nghiệp thua lỗ đã kéo dài nhiều năm; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những vấn đề phức tạp phát sinh.

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất thương mại dịch vụ nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua tương đối ổn định, Việt Nam trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, từ đó đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước. Cùng với đó tình hình dịch bệnh tại Việt Nam đã từng bước được đi vào kiểm soát, nhu cầu tiêu dùng và chi tiêu dần quay trở lại.

SJ1 là doanh nghiệp hoạt động sản xuất chế biến các sản phẩm thủy sản, bao gồm các sản phẩm đóng hộp và sản phẩm đông lạnh, và phân phối các sản phẩm nông nghiệp, do vậy nền kinh tế quay trở lại mức tăng trưởng là một dấu hiệu tốt, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định.





CÁC RỦI RO



RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp khi đa số các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam đều sử dụng nguồn vốn tín dụng để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, mức lãi suất cao khiến gia tăng chi phí tài chính, tạo ra rủi ro đòn bẩy với Doanh nghiệp. Đối với Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cần vốn lưu động lớn, nhu cầu đi vay kỳ hạn ngắn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên, do đó, tỷ lệ lãi suất bất lợi ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2023, các Ngân hàng Trung ương trên thế giới tiếp tục duy trì chính sách lãi suất thắt chặt để kiềm chế lạm phát. Ngày 26/07/2023, FED đã tăng lãi suất thêm 0,25%, nâng lãi suất cơ bản lên mức 5,25% - 5,5%, mức cao nhất trong vòng 22 năm. Đây là lần tăng lãi suất thứ 11 của FED kể từ tháng 3/2022. Ngày 14/09/2023, Ngân hàng Trung ương Châu Âu cũng tăng lãi suất thêm 0,25%, đưa lãi suất tái cấp vốn lên 4,25%, lãi suất tiền gửi lên 4% và lãi suất cho vay lên 4,5% và là mức lãi suất cao nhất từ khi đồng Euro ra đời.

Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế có dấu hiệu khó khăn, để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, Ngân hàng Nhà nước đã 02 lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành trong tháng 3/2023, nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, cụ thể: lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 6%/năm xuống 5,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 5,0%/năm xuống 4,5%/năm... Tiếp đó, trong tháng 5 và tháng 6/2023, NHNN tiếp tục 2 lần giảm lãi suất điều hành. Cụ thể, trong đợt 4 (hiệu lực từ 19/6/2023), lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn để phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế giảm từ 4,5%/năm xuống 4%/năm... Qua đó, cho thấy Chính phủ đang triển khai nhiều biện pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, vừa kiểm soát lạm phát, nhưng cũng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đặc thù kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và chế biến, đóng hộp thủy hải sản, Công ty thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn để tài trợ nguồn vốn lưu động, hoạt động Công ty bị ảnh hưởng khá nhiều từ những sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường. Trước sự dự báo lãi suất sẽ còn biến động trong giai đoạn sắp tới, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí tài chính, sử dụng linh hoạt các nguồn vốn chiếm dụng, tận dụng các nguồn vốn khác với chi phí thấp hơn.



RỦI RO TỶ GIÁ

Tỷ giá hối đoái là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Năm 2023, bất chấp việc áp dụng chính sách tiền tệ khác biệt với FED, tỷ giá USD/VND trong 7 tháng đầu năm vẫn ổn định dưới mức 23.600 nhờ vào cán cân thương mại hàng hóa 8 tháng đầu năm thặng dư 20,19 tỷ USD, gấp 3,84 lần so với 5,26 tỷ USD cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, từ đầu tháng 8, tỷ giá USD/VND đã dần tăng trở lại, vượt mốc 24.000 và duy trì trên ngưỡng, chỉ số đo giá trị đồng USD đã tăng 3,93%, từ 89,21 điểm đầu năm lên 92,72 điểm vào cuối tháng 8. Tính đến giữa tháng 9, lãi suất bình quân liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm bằng tiền đồng chỉ còn 0,16%, trong khi bằng đô la Mỹ lên đến 5,04%, chênh lệch mở rộng đến 4,88%. Trước tình hình tỷ giá biến động bất thường, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện hút tiền VND thông qua kênh tín phiếu, hỗ trợ tỷ giá không chệch khỏi tỷ giá trung tâm.

Hiện tại, doanh thu từ mảng xuất khẩu của Công ty tại năm tài chính 2023 chiếm khoảng 17,38% doanh thu với lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD. Vì vậy, việc thay đổi tỷ giá sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty chú trọng đánh giá và định lượng mức độ ảnh hưởng khi có sự thay đổi của tỷ giá.





CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động theo loại hình doanh nghiệp công ty cổ phần, được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Vì thế, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và các thông tư hướng dẫn liên quan. Mặt khác, với hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty, SJ1 phải tuân thủ, đáp ứng đầy đủ chính xác các yêu cầu liên quan đến thuế và các thủ tục hải quan. Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều biến động, Chính phủ luôn hành động kịp thời, cập nhật, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật để hoàn thiện hơn các chính sách, phù hợp với từng giai đoạn.



Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định, hệ thống quy định nội bộ của Công ty cũng có quy định về quy trình kiểm tra, rà soát hợp đồng với sự phối hợp thực thi công tác kiểm tra, rà soát giữa các Phòng ban. Bên cạnh đó, các phòng chức năng cũng được yêu cầu luôn cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của phòng ban, tham gia tập huấn quy định mới nhằm đảm bảo tất cả nhân sự nhận thức được yêu cầu mới trong việc thực hiện công việc, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp, ngăn ngừa rủi ro phát sinh.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ VÀ SỨC ÉP CẠNH TRANH

Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp cùng ngành trong nước cũng như các công ty nước ngoài có quy mô lớn. Thị trường nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ như Việt Nam có nhu cầu tiêu dùng về thực phẩm đang biến đổi nhanh theo hướng tăng dần với các sản phẩm chất lượng cao, tốt cho sức khỏe và tiện dụng, tạo động lực thúc đẩy cho ngành kinh tế phát triển.

Bên cạnh những cơ hội mở ra cho Công ty thì áp lực cạnh tranh đang dẫn trở nên gay gắt khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải có chính sách đầu tư phù hợp, đẩy mạnh đầu tư vào chất lượng nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị, sản phẩm đầu ra đạt chuẩn, để nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp, đồng thời có chiến lược hợp lý để tăng quy mô vốn hoạt động nhằm tăng khả năng tài chính, nâng cao hiệu quả cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty luôn phải chủ động hơn trong việc phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách linh hoạt, khảo sát, đánh giá và phân tích nhu cầu thị trường, nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường, tập trung nghiên cứu, và xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, thích ứng với từng giai đoạn để tối ưu hóa chi phí.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN LIỆU

Đối với lĩnh vực hoạt động sản xuất thương mại về các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản của Công ty, yếu tố chi phí đầu vào như nguyên liệu sản xuất chính: tôm nguyên liệu, cá tra, bạch tuộc,... và nguyên liệu phụ như: thùng, hộp, túi, khay nhựa,... có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của Công ty.

Theo Tổng Cục Thống kê, tính chung 9 tháng năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 6.796,7 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm: Cá đạt 4.859 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 957,4 nghìn tấn, tăng 4,2%; thủy sản khác đạt 980,4 nghìn tấn, tăng 1,6%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 3.792,5 nghìn tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.510,3 nghìn tấn, tăng 3,1%; tôm đạt 852,1 nghìn tấn, tăng 4,7%; thủy sản khác đạt 430,1 nghìn tấn, tăng 4%. Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.004,2 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.348,7 nghìn tấn, tăng 0,5%; tôm đạt 105,3 nghìn tấn, tăng 0,2%; thủy sản khác đạt 550,2 nghìn tấn, giảm 0,3%. Sản lượng tôm sú đạt 204,8 nghìn tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 596,1 nghìn tấn, tăng 5,9%. Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 3.004,2 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.348,7 nghìn tấn, tăng 0,5%; tôm đạt 105,3 nghìn tấn, tăng 0,2%; thủy sản khác đạt 550,2 nghìn tấn, giảm 0,3%. Sản lượng thủy sản khai thác biển 9 tháng năm 2023 đạt 2.857,3 nghìn tấn, tăng 0,25% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó: Cá đạt 2.251,5 nghìn tấn, tăng 0,5%; tôm đạt 98,6 nghìn tấn, giảm 0,1%.

Nuôi trồng cá tra phát triển mạnh do giá cá tra tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng trong những tháng gần đây và nhu cầu thị trường thế giới cũng tăng cao. Sản lượng tôm nuôi trong quý III/2023 tăng so với cùng kỳ năm trước do hiệu quả từ ứng dụng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, siêu thâm canh. Trong những tháng đầu năm 2023, giá thức ăn chăn nuôi trung bình với chiều hướng tăng cao. Trong khi giá thức ăn chiếm 65-70% giá thành phẩm. Ngoài ra, các chi phí đầu vào cho sản xuất thủy sản như bao bì, hóa chất, vận chuyển, carton... đều tăng. Do đó, để chủ động nguyên vật liệu có chất lượng cho hoạt động sản xuất. Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng trực tiếp tại nơi sản xuất và các nhà cung cấp lâu năm, đồng thời tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới ở nhiều tỉnh thành khác nhau, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đúng tiến độ.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh các rủi ro trên, các rủi ro bất khả kháng công ty phải đối mặt như thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn hoặc dịch bệnh luôn được công ty xem xét và đánh giá. Các rủi ro không thể dự báo này có thể ảnh hưởng đáng kể đến nhân sự, tài sản, tình hình hoạt động chung của Công ty. Hiện tại, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã giảm thiểu mức độ tác động, những cảnh báo về biến thể mới không loại trừ khả năng kinh tế thế giới tiếp tục đón nhận các cú sốc mạnh một khi đợt sóng dịch bệnh nữa lại ập đến. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro khó dự báo nêu trên, Công ty chủ động xây dựng phương án phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động, tài sản và các bên liên quan (nhà xưởng, thành phẩm,...). Đồng thời phối hợp với các bên có liên quan để nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động huấn luyện, diễn tập nhằm trang bị các kỹ năng cần thiết để xử lý kịp thời và chu đáo các tình huống xảy ra bất ngờ đối với Công ty.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 40 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 42 Tổ chức và nhân sự
- 52 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 58 Tình hình tài chính
- 64 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 68 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022	01/10/2022-30/09/2023	Kế hoạch năm 2023 (01/10/2022-30/09/2023)	TH 2023/TH 2022 (%)	TH 2023/KH 2023 (%)
1	Doanh thu thuần	1.331.826	1.396.760	1.500.000	104,88%	93,12%
-	Xuất khẩu	267.070	242.491		90,80%	
-	Trong nước	1.064.756	1.154.269		108,41%	
2	Giá vốn hàng bán	1.245.488	1.298.041		104,22%	
3	Lợi nhuận gộp	86.338	98.719		114,34%	
4	Lợi nhuận từ HĐKD	11.742	17.692		150,67%	
5	Lợi nhuận khác	8.504	1.400		16,46%	
6	Lợi nhuận trước thuế	20.246	19.092	36.000	94,30%	53,03%
7	Lợi nhuận sau thuế	12.988	10.586		81,51%	

Nhận xét:

Dưới bối cảnh vĩ mô biến động liên tục, kết thúc năm tài chính 2023, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1.396.760 triệu đồng, tăng 4,88% cùng kỳ, tiếp tục giữ vững đà tăng trong vòng 3 năm qua. Kết quả này được đóng góp phần lớn bởi sự gia tăng các đơn hàng trong nước (tăng 8,41% cùng kỳ), cụ thể trong năm, nhận thấy nhu cầu tiêu dùng các thực phẩm giá trị gia tăng đang có khả năng giảm sút bởi tình hình lạm phát tăng cao, SJ1 thực hiện chiến lược tối ưu hóa doanh thu từng nhóm sản phẩm, tập trung sản xuất những mặt hàng cốt lõi được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng như cá viên, chả giò hải sản, mực/bạch tuộc tẩm bột, cá tra/cá hồi cắt khoanh, nui, mì rau củ,... Về phía phân phối, cùng với sự mở rộng của chuỗi siêu thị bán lẻ, các mặt hàng của SJ1 được bày bán tại cửa hàng được tiếp cận nhiều hơn đến người tiêu dùng tiềm năng, tạo cơ hội mở rộng tệp khách hàng. Về thị trường xuất khẩu, doanh thu mảng có xu hướng giảm nhẹ, phần lớn đến từ tình hình lạm phát toàn cầu nửa đầu năm ảnh hưởng mạnh đến sức mua của các thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường Châu Âu. Do đó, mặc dù SJ1 có sự tăng trưởng doanh thu nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra (93,12%) do kết quả từ thị trường xuất khẩu không đạt kỳ vọng.

Về phía lợi nhuận, SJ1 ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 19.092 triệu đồng, đạt 94,30% lợi nhuận trước thuế so với cùng kỳ. Doanh thu ghi nhận tăng nhẹ, nhưng lợi nhuận lại có xu hướng giảm, chủ yếu đến từ việc chi phí Công ty trong năm qua tăng mạnh. Cụ thể, cuối năm 2022 và nửa đầu năm 2023, các mặt hàng thủy sản đánh bắt vẫn còn ở giá cao, các mặt hàng thủy sản nuôi trồng thì chịu ảnh hưởng của chi phí thức ăn thủy sản gia tăng liên tục. Do đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng cao. Mặt khác, trong năm tài chính 2023, lãi suất cho vay ngân hàng tăng so với năm tài chính 2022, dẫn đến chi phí lãi vay của Công ty tăng hơn 16.461 triệu đồng, tương đương tăng 43,06% cùng kỳ. CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu luôn thận trọng trong kế hoạch tài trợ, hoạt động hiệu suất cả trong kế hoạch vốn lưu động và kế hoạch đầu tư, từng bước hướng đến mục tiêu nhà cung ứng đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.

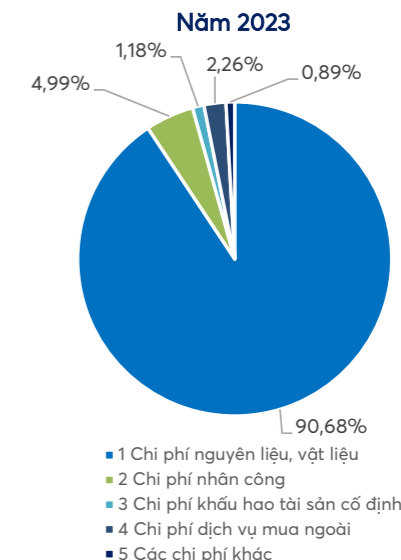
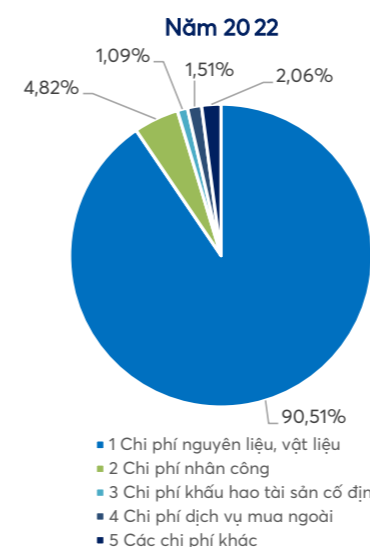
CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

(Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất)

STT	Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022		01/10/2022-30/09/2023		TH 2023/TH 2022 (%)
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.255	90,68%	1.251.738	90,51%	105,52%
2	Chi phí nhân công	65.253	4,99%	66.619	4,82%	102,09%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.408	1,18%	15.138	1,09%	98,25%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.620	2,26%	20.936	1,51%	70,68%
5	Các chi phí khác	11.687	0,89%	28.516	2,06%	244,00%
	Cộng	1.308.223	100,00%	1.382.947	100,00%	105,71%

Nhận xét:

Xét về cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chi phí nguyên vật liệu là chi phí trọng tâm của SJ1, chiếm 90,51% cơ cấu chi phí năm 2023, không có nhiều biến động so với cùng kỳ. Năm tài chính 2023, chi phí nguyên vật liệu tăng nhẹ 5,52%. Cụ thể, cuối năm 2022 và nửa đầu năm 2023, giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh bắt như bạch tuộc, mực, ghẹ cũng như các loại nông sản: khoai tây,... vẫn giữ giá ở mức cao. Song song đó, trước tình hình thức ăn thủy sản tăng liên tục và đạt đỉnh vào tháng 5/2023 với 14.900 đồng/kg, giá thủy sản như cá tra và tôm trong thị trường nội địa theo đó biến động cùng chiều do giá thức ăn chăn nuôi chiếm 60-70% chi phí chăn nuôi, từ đó ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty tăng cao. Với mục tiêu hướng đến tối ưu hóa chi phí, SJ1 luôn tìm kiếm những nguồn nguyên vật liệu mới, vừa tìm kiếm lợi thế cạnh tranh vừa giảm mức độ phụ thuộc của Công ty vào các đối tác hiện hữu. Khoản mục lớn thứ hai là chi phí nhân công, chiếm 4,82% trong cơ cấu chi phí, tăng nhẹ so với cùng kỳ. Các khoản mục còn lại như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác nhìn chung khá ổn định.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Thông tin được cập nhật đến ngày 01/11/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Vũ Quang Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 02/12/2021
2	Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 17/12/2021
3	Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 08/05/2020
4	Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 01/11/2023
5	Bà Nguyễn Việt Thúy An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 01/11/2023
6	Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm Từ 01/11/2023
7	Bà Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm Từ 01/04/2022

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm, miễn nhiệm
1	Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	02/12/2021	
2	Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2020	
3	Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	05/05/2021	01/11/2023
4	Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	17/12/2021	
5	Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	17/12/2021	01/11/2023
6	Bà Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2023	
7	Bà Nguyễn Việt Thúy An	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2023	
8	Ông Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2023	
9	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng	01/04/2022	

Lý lịch Ban điều hành

ÔNG VŨ QUANG CHÍNH
- THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1986

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 06/2009 đến 06/2012: Chuyên viên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
- Từ 07/2012 đến 04/2017: Giám đốc Tài chính, Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 04/2017 đến 04/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP Giáo dục Hùng Hậu
- Từ 04/2018 đến 01/2019: Giám đốc Điều hành tài chính Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 01/2019 đến 05/2019: Quyền Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 05/2019 đến 07/2021: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 07/2021 đến 10/2021: Giám đốc Điều hành Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 10/2021 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 03/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Thực Phẩm Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 165.953 cổ phiếu, chiếm 0,70% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 165.953 cổ phần, chiếm 0,70% vốn điều lệ



BÀ NGUYỄN YẾN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1981

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại Học



Quá trình công tác:

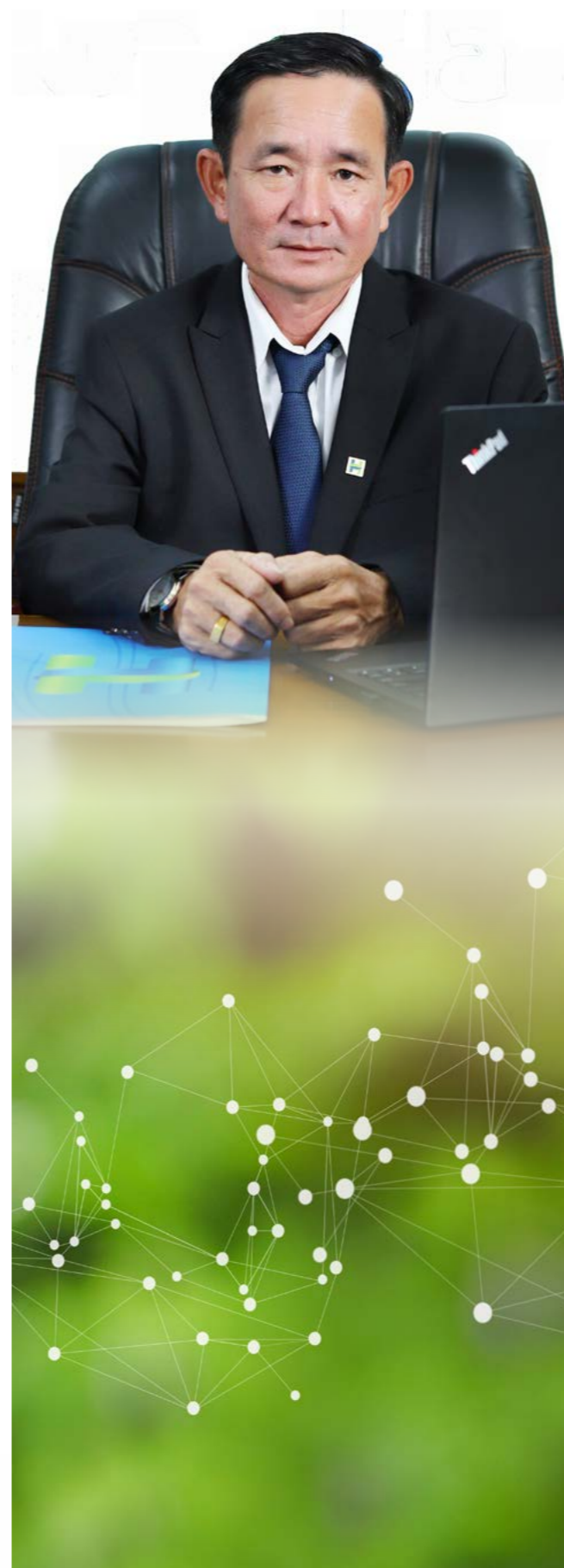
- Từ 2003 đến 2007: Nhân viên kinh doanh của Xi Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản SaDec
- Từ 2007 đến 2014: Phó Trưởng Phòng Kinh Doanh Công ty Docifish
- Từ 2014 đến 2016: Trưởng BP Kinh Doanh CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2016 đến 2021: Giám Đốc của Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu
- Từ 2017 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu
- Từ 2021 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc của CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu

Số cổ phần nắm giữ: 2.620 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 2.620 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ



ÔNG NGUYỄN VĂN DOL - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: 12/12, 25 năm kinh nghiệm nuôi trồng Thủy sản



Quá trình công tác:

- Từ 2014 đến 2021: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Vận chuyển Tấn Phúc
- Từ 2015 đến 2016: Giám đốc Nhân sự - Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 2016 đến 2019: Phụ trách Vùng nuôi - Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 08/05/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



BÀ NGUYỄN THU TRANG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1985

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, kinh doanh quốc tế

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2008: Chuyên viên XNK Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2009 đến 2011: Phó Phòng XNK Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2012 đến 2014: Phó Phòng Kinh Doanh Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2015 đến 2016: Trưởng Phòng Kinh Doanh Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 2017 đến 2019: Trưởng phòng Kinh Doanh Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu
- Từ 2020 đến 2023: Giám Đốc Kinh doanh Công ty CP Thực Phẩm Hùng Hậu
- Từ 01/11/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 1.654 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 1.654 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



BÀ NGUYỄN VIỆT THỦY AN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1983

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2009: Phó phòng kế toán Công Ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 2010 đến 2016: Kế toán trưởng Công Ty CP Vạn Ý .
- Từ 2017 đến 2019: Giám Đốc tài chính tại Trường ĐH Văn Hiến.
- Từ 2019 đến 2021: Giám đốc Tài chính Công ty CPPT Hùng Hậu.
- Từ 2021 đến 2022: Phó tổng Giám đốc Công ty CP Giáo Dục Hùng Hậu.
- Từ 01/11/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 1.310 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 1.310 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



ÔNG LÊ PHẠM CÔNG HOANG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1989

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Chế Biến Thủy Sản

Quá trình công tác:

- Từ 05/2016 – 11/2016: Phó phòng Quản lý chất lượng HA1 của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 12/2016 – 09/2018: Trưởng phòng Quản lý chất lượng HA1 của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 10/2018 – 08/2019: Phó phòng Quản lý sản xuất HHA của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 09/2019 – 08/2020: Trưởng bộ phận chất lượng HA1 của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 09/2020 – 11/2020: Phó ban Điều hành sản xuất HHA của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 12/2020 – 02/2021: Phó ban ĐHSX HHA kiêm Phó QĐSX HA1 của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 03/2021 – 07/2021: Phó Quản đốc sản xuất HA1 của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 07/2021 – 11/2021: Giám đốc chất lượng HHA của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 12/2021 – 2023: Trưởng phòng ĐHSX F&B của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
- Từ 01/11/2023 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 1.310 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 1.310 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.



BÀ NGUYỄN THỊ MỸ DIỆU – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1986

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

- Từ 04/2010 - 04/2011: Nhân viên kế toán của Công ty TNHH Quảng Cáo và in ấn Cát Vàng
- Từ 05/2011 - 01/2016: Kế toán tổng hợp của CN Công ty TNHH Hùng Cá
- Từ 02/2016 - 03/2021: Kế toán tổng hợp của Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Thái Đức Lâm
- Từ 04/2021 - nay: Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng CTCP Nông Nghiệp Hùng Hậu.

Các chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI

574

Tính tại ngày 30/09/2023

SỐ LƯỢNG VÀ THU NHẬP CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cơ cấu người lao động trong Công ty tại ngày 30/09/2023 như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	574	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	65	11,32%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	60	10,45%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	11	1,92%
4	Lao động phổ thông	438	76,31%
II	Theo giới tính	574	100%
1	Nam	206	35,89%
2	Nữ	368	64,11%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	574	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	189	32,93%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	100	17,42%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	285	49,65%

Thu nhập bình quân người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.069.055	7.902.220	7.071.779	7.764.813	7.640.160

CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với SJ1, nguồn lực quan trọng và quý giá đóng góp vào sự phát triển bền vững và lâu dài của Công ty chính là đội ngũ lao động. Vì vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ công nhân viên có trình độ tay nghề, chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ, nên cần nhiều lao động, việc sử dụng nhiều lao động phổ thông là hợp lý vừa phù hợp với đặc thù ngành vừa tiết kiệm chi phí nhân công.

VỀ TUYỂN DỤNG

- » Tìm kiếm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động.
- » Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự theo chỉ đạo để phát triển kinh doanh thêm các mặt hàng mới.
- » Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, đào tạo, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển để thu hút lao động. Cải tạo nhà lưu trú cho công nhân.
- » Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề, xem xét đơn giá lương sản phẩm điều chỉnh tăng phù hợp.
- » Tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Tại SJ1, Công ty không chỉ đánh giá cao mọi đóng góp, mà còn tin rằng mỗi cá nhân, ở mọi vị trí, đều đóng vai trò quan trọng trong sự thành công tổng thể. Để đảm bảo điều này, Công ty đã xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, chuyên nghiệp và thân thiện. Ở đây, mọi nhân viên không chỉ có cơ hội phát triển sự nghiệp, mà còn được khuyến khích rèn luyện và hoàn thiện về mặt nhân cách, nhằm đạt được thành công cá nhân và đóng góp tích cực vào sự phồn thịnh của đơn vị.

VỀ ĐÀO TẠO

Đào tạo đóng vai trò quan trọng tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhằm tăng cường kỹ năng của đội ngũ lao động, mở rộng cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng và hiệu suất công việc. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận và dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.

VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

- » Công ty luôn chú trọng đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và phù hợp với tình hình thị trường; Ngoài ra, Công ty còn có các quy định về lương tháng thứ 13 và tiền thưởng cho các dịp lễ, tết.
- » Thu nhập được trả căn cứ trình độ, năng lực, trách nhiệm, năng suất lao động và chất lượng công việc.
- » Công ty có những chính sách khen thưởng nhằm tạo động lực, khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy khả năng và tối ưu hóa kết quả công việc được giao. Công ty khen thưởng theo định kỳ hoặc thưởng kịp thời cho những sáng kiến, cải tiến hoàn thành xuất sắc, vượt mức công việc được giao.
- » Chính sách phúc lợi: Công ty đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, chi trợ cấp ốm đau, thai sản theo quy định hiện hành.
- » Các chính sách đãi ngộ của Công ty được NLD đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và cống hiến. Nhân viên được tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, thai sản, trợ cấp cho những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, xây dựng chính sách chăm sóc y tế, hỗ trợ cho NLD khi gặp khó khăn, ốm đau khi cần hỗ trợ...

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



DỰ ÁN NHÀ MÁY HAPPYFOOD VIỆT NAM

- » Tên dự án: Nhà máy Happyfood Việt Nam
- » Địa điểm: Lô CVI-2, khu C, KCN Sa Đéc, P.Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp
- » Quy mô đầu tư:
 - + Mật hàng thủy sản: 2.400 tấn/năm
 - + Mật hàng nông sản: 1.200 tấn/năm
- » Tổng vốn đầu tư: 210 tỷ đồng
- » Tiến độ thực hiện dự án: từ tháng 10/2022 đến tháng 01/2024 xây dựng nhà xưởng

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN



DỰ ÁN KHO LẠNH HAW2 VIỆT NAM

- » Tên dự án: Kho lạnh HAW2 Việt Nam
- » Địa điểm: Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc
- » Quy mô đầu tư: bổ sung kho lạnh 2000 tấn
- » Tổng vốn đầu tư: trong quá trình thiết kế
- » Tiến độ thực hiện dự án: dự kiến hoàn thành trong Q4/2024



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

01
CÔNG TY TNHH NGU NGHIỆP HÙNG HẬU

Giấy CNĐKDN: số 1402052916.

Địa chỉ: Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản....

Vốn điều lệ (30/09/2023): 65.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ vốn điều lệ sở hữu của SJ1 (30/09/2023): 65%

02
CÔNG TY TNHH HAPPYFOOD VIETNAM

Giấy CNĐKDN: số 1400457610

Địa chỉ: Lô CIV – 2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản nông sản và các sản phẩm từ nông sản,...

Vốn điều lệ (30/09/2023): 90.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ vốn điều lệ sở hữu của SJ1 (30/09/2023): 51,00%

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN DOANH, ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

03
CÔNG TY TNHH KHO LẠNH GIÓ BẮC

Giấy CNĐKDN: số 1402061300.

Địa chỉ : 45D/TB, Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vốn điều lệ (30/09/2023): 3.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ vốn điều lệ sở hữu của SJ1 (30/09/2023): 30%

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
1	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản		160	303
2	CTCP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)(*)	2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh			66	66
3	CTCP Thực Phẩm Hùng Hậu(*)	86, Tỉnh lộ 2, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	17%	30.600	30.600
Tổng cộng					30.826	30.969

(*) Tại ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này nên giá trị hợp lý được trình bày theo giá gốc.



Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm tài chính 2023 (căn cứ BCTC hợp nhất 2023) như sau:

STT	Nội dung	Giá trị tại 30/9/2023 (đồng)
1	Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091
2	Dự án Nhà máy Happyfood Vietnam	100.562.723.583
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.078.872.390
Cộng		106.519.630.064



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH NGŨ NGHIỆP HÙNG HẬU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022	01/10/2022-30/09/2023	2023/2022 (%)
Tổng tài sản	19.913	19.907	100%
Doanh thu thuần	-	-	-
Giá vốn hàng bán	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	0	0	75%
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	6	5	78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-6	-5	78%
Lợi nhuận khác	-106	-1	1%
Lợi nhuận trước thuế	-113	-6	5%
Lợi nhuận sau thuế	-113	-6	5%

CÔNG TY TNHH HAPPYFOOD VIETNAM

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022	01/10/2022-30/09/2023	2023/2022 (%)
Tổng tài sản	34.370	151.705	441%
Doanh thu thuần	-	-	-
Giá vốn hàng bán	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	0	1	187%
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	170	352	207%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-170	-351	207%
Lợi nhuận khác	0	-13	54762%
Lợi nhuận trước thuế	-170	-364	214%
Lợi nhuận sau thuế	-170	-364	214%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	01/10/2021-30/09/2022	01/10/2022-30/09/2023	2023/2022 (%)
Tổng giá trị tài sản	1.009.778	1.156.287	114,51%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.331.826	1.396.760	104,88%
Lợi nhuận từ HĐKD	11.742	17.692	150,67%
Lợi nhuận khác	8.504	1.399	16,45%
Lợi nhuận trước thuế	20.246	19.092	94,30%
Lợi nhuận sau thuế	12.988	10.586	81,51%

Tính đến thời điểm 30/09/2023, tổng giá trị tài sản của SJ1 đạt 1.156.287 triệu đồng, tăng hơn 146.509 triệu đồng, tương ứng tăng 14,51% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, mức tăng trưởng được đóng góp chủ yếu bởi tài sản dài hạn, cụ thể là tài sản dở dang dài hạn. Trong năm 2023, Công ty con của SJ1 là Công ty TNHH Happyfood ViệtNam đã khởi công xây dựng nhà máy HAH, hướng đến việc tăng cường đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất, do đó chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại báo cáo tài chính hợp nhất của SJ1 ghi nhận tăng hơn 93.052 triệu đồng, tương đương tăng 6,9 lần cùng kỳ 2022. Đối với tài sản ngắn hạn, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản với 62,31%, trong năm 2023, tài sản ngắn hạn có xu hướng tăng nhẹ 7,17%, phần lớn được đóng góp từ sự gia tăng của hàng tồn kho và phải thu về cho vay ngắn hạn, với tổng giá trị tăng gần 107.814 triệu đồng, tuy nhiên, chiều hướng giảm của phải thu ngắn hạn của khách hàng với gần 78.987 triệu đồng đã khiến tài sản dài hạn chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ.

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại, các chỉ tiêu tài chính của Nông nghiệp

Hùng Hậu cũng như các công ty cùng ngành, phụ thuộc vào tăng trưởng tiêu dùng của các thị trường nội địa và xuất khẩu. Đối với SJ1, doanh thu thuần tăng trưởng 4,88%, từ 1.331.826 triệu đồng năm tài chính 2022 lên 1.396.760 triệu đồng năm tài chính 2023, tăng 210.420 triệu đồng. Kết quả này đến từ chiến lược tập trung sản xuất các nhóm sản phẩm được nhiều khách hàng ưa dùng, đồng thời độ nhận diện thương hiệu tại nội địa được tăng cường nhờ vào việc mở rộng các kênh phân phối. Về phía lợi nhuận, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 19.092 triệu đồng và 10.586 triệu đồng, giảm lần lượt 5,7% và 8,49% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty trong năm qua luôn biến động theo chiều hướng tăng, chịu ảnh hưởng bởi giá thức ăn thủy sản và dịch bệnh tại các vùng nuôi; mặt khác, các loại thủy sản đánh bắt vẫn giữ mức cao tại cuối năm 2022 và nửa đầu 2023. Hiểu được tầm quan trọng trong việc cân bằng các nguồn tài chính, SJ1 luôn nỗ lực đảm bảo nguồn thu, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro.

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2023

1.156.287

Triệu đồng



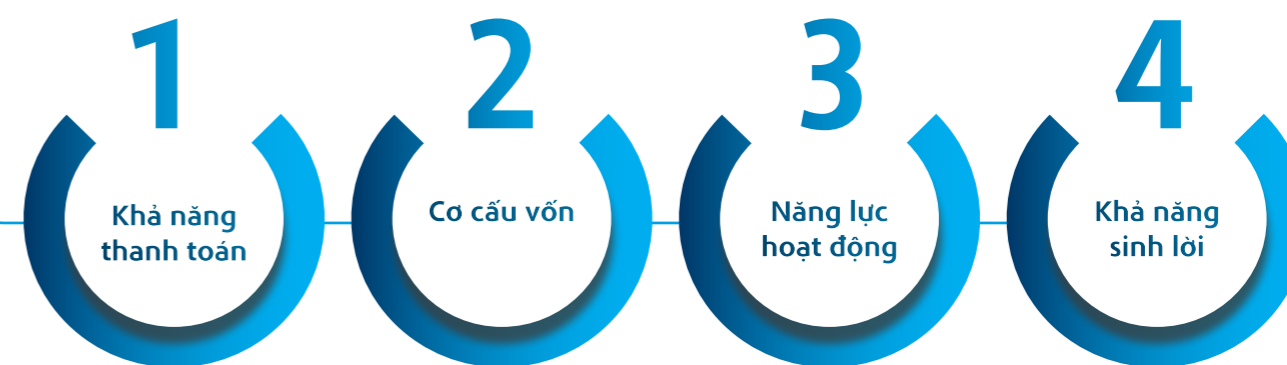
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	1,05	+0,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,54	-0,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,94%	71,45%	+1,52%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	232,64%	250,30%	+17,66%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,71	3,95	-0,75
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,35	1,29	-0,06
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	0,98%	0,76%	-0,22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,37%	3,34%	-1,03%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,31%	0,98%	-0,34%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,88%	1,27%	+0,38%

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



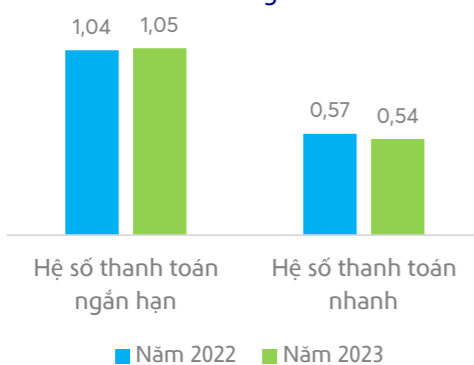
Khả năng thanh toán

Nhìn chung, chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn các năm của SJ1 đều lớn hơn 1, cho thấy Công ty có đủ năng lực chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm tài chính 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn không có nhiều sự biến động, trong khi hệ số thanh toán nhanh có xu hướng giảm nhẹ, cụ thể giảm từ 0,57 lần xuống 0,54 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự tăng mạnh của hàng tồn kho, cụ thể hàng tồn kho ghi nhận tăng 50.842 triệu đồng, tương đương tăng 16,78% cùng kỳ. Tại thời điểm cuối năm tài chính 2023, giá nguyên liệu đầu vào của một số mặt hàng có xu hướng giảm nhờ vào giá thức ăn thủy sản đạt đỉnh vào tháng 6/2023 và có chiều hướng hạ nhiệt (giảm 300

đồng kể từ đỉnh 14.900 đồng/kg). Tận dụng thời điểm này, Công ty đánh giá các mặt hàng thiết yếu để mua dự trữ nhằm đảm bảo các đơn hàng mới có giá cạnh tranh hơn.

Đối với hệ số thanh toán ngắn hạn, cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều lần lượt tăng 7,17% và 5,39% nên hệ số thanh toán ngắn hạn không có nhiều biến động so với cùng kỳ. Trong năm tài chính 2023, bên cạnh mức tăng của hàng tồn kho, phải thu về cho vay ngắn hạn có xu hướng tăng mạnh gần 56.972 triệu đồng, trong đó 36.000 triệu đồng đến từ việc SJ1 cho vay công ty liên quan cùng tập đoàn là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu, phần còn lại là các bên liên quan khác. Về nợ ngắn hạn, phần lớn chiều hướng tăng được đóng góp bởi vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, được dùng để hỗ trợ cho hoạt động bổ sung vốn lưu động của Công ty, đặc biệt vào thời điểm Công ty gia tăng hàng tồn kho vào cuối năm tài chính, kết quả là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 24.436 triệu đồng, tương đương tăng 4,12% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

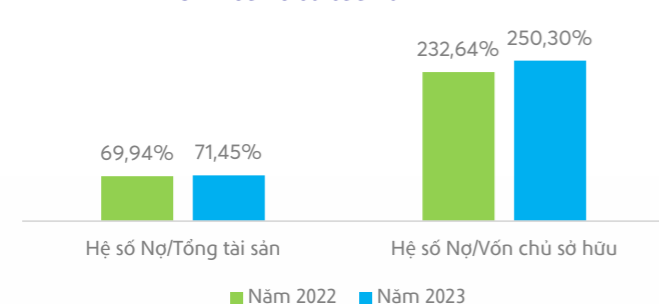


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2023, SJ1 duy trì tỷ trọng nợ cao hơn vốn chủ sở hữu với 71,45% trên tổng tài sản, có xu hướng tăng so với cùng kỳ, chủ yếu là do nợ phải trả ghi nhận tăng 6,99% trong khi vốn chủ sở hữu chỉ gia tăng 8,74%. Sở dĩ có sự thay đổi này là do trong năm tài chính 2023, Công ty gia tăng vay vốn ngân hàng một mặt bổ sung vốn lưu động trong ngắn hạn, một mặt chú trọng đầu tư mở rộng nhà máy và máy móc thiết bị. Cụ thể, Công ty đã và đang đầu tư dự án Trung tâm thương mại và Căn

hộ cao cấp SJ1 Plaza, sửa chữa văn phòng tại Âu Cơ, đặc biệt là dự án nhà máy Happyfood Vietnam HAH tại Đồng Tháp,... Thời điểm cuối năm tài chính, SJ1 ghi nhận tài sản dài hạn tăng 29,12%, trong đó tài sản dở dang dài hạn tăng 690,91%, thể hiện nỗ lực hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao năng lực sản xuất theo kế hoạch của Công ty. Để tài trợ cho hoạt động đầu tư, vay và nợ thuê tài chính dài hạn ghi nhận tăng 114,11%, tương ứng giá trị tuyệt đối là 48.013 triệu đồng. Về phía vốn chủ sở hữu, do sự giảm sút lợi nhuận so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại báo cáo tài chính hợp nhất có xu hướng giảm 22,56%, tương đương gần 3.899 triệu đồng, tuy nhiên phần lợi ích cổ đông không kiểm soát hơn 30.421 triệu đồng đã hỗ trợ cho mức tăng chung của vốn chủ sở hữu.

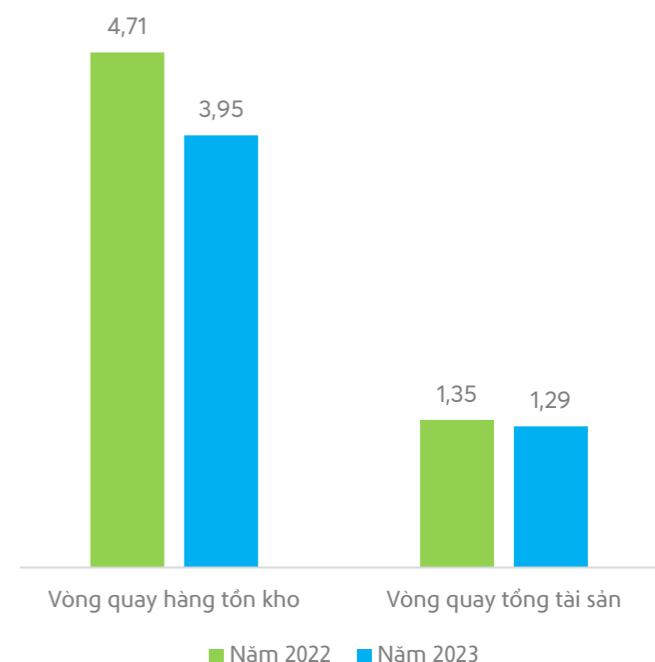
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Năng lực hoạt động

Kết thúc năm tài chính 2023, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty lần lượt đạt 3,95 vòng và 1,29 vòng, cả hai đều có xu hướng giảm so với cùng kỳ, cụ thể giảm 0,75 vòng và 0,06 vòng. Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt liên quan mật thiết đến thủy sản, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tài sản của công ty cần ở giá trị cao, hiện tại, con số 3,95 vòng và 1,29 vòng là phù hợp. Nguyên nhân chủ yếu có sự giảm sút trong vòng quay hàng tồn kho là do thời điểm cuối năm tài chính, Công ty tăng cường bổ sung hàng tồn kho, một mặt mua vào do giá nguyên vật liệu có chiều hướng hạ nhiệt, một mặt lưu trữ chuẩn bị cho nhu cầu mua sắm cao vào cuối năm 2023, tương ứng là quý I năm tài chính 2024 của SJ1. Về vòng quay tổng tài sản, doanh thu thuần ghi nhận tốc độ tăng trưởng 4,88% nhờ vào lượng đơn hàng tích cực trong nội địa. Trong khi tài sản tăng 14,51% do phần tài sản dở dang dài hạn khi đầu tư vào dự án nhà máy. SJ1 đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng nên có sự giảm sút vòng quay tài sản, tuy nhiên trong tương lai sau khi dự án nhà máy hoàn thành, SJ1 sẽ nỗ lực tận dụng hiệu quả nguồn lực và xây dựng cấu trúc tài sản tối ưu.

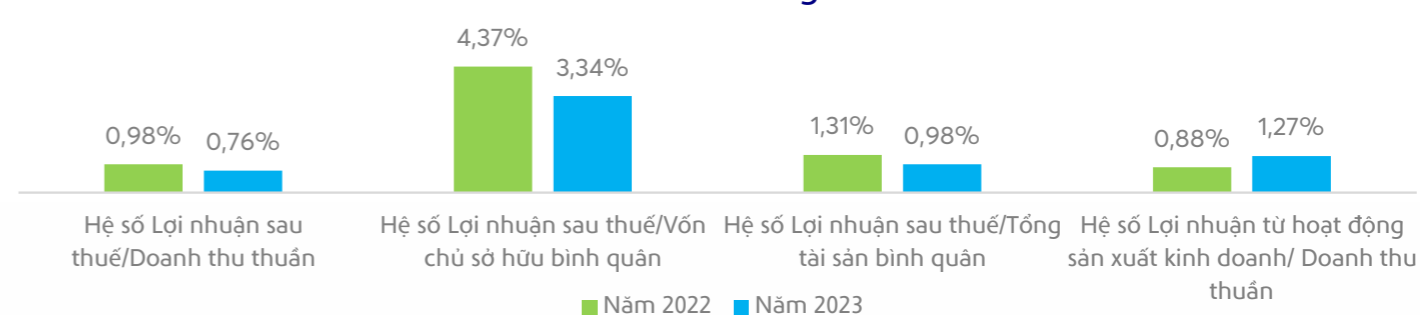
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, ngoại trừ chỉ tiêu Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm tài chính 2023 đều giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, các chỉ số tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS), tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) lần lượt đạt 0,76%; 3,34%; 0,98%; giảm 0,22%; 1,03%; 0,34% so với cùng kỳ, trong khi hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đạt 1,27%, cao hơn 0,38% cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự giảm sút của lợi nhuận khác, với mức giảm hơn 7.123 triệu đồng. Tại năm tài chính 2022, Công ty có một khoản thu nhập từ việc xử lý các công nợ với giá trị lên đến 6.748 triệu đồng dẫn tới khoản mục Lợi nhuận khác năm tài chính 2022 tăng mạnh so với cùng kì năm trước, đạt 8.504 triệu đồng. Tại năm tài chính 2023, khoản thu nhập bất thường này không còn phát sinh, do đó khiến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế giảm mạnh so với cùng kỳ, cụ thể đạt 10.568 triệu đồng, giảm 8,49% cùng kỳ. Mặt khác, việc chi phí nguyên vật liệu cả về đánh bắt và nuôi trồng giữ mức cao trong nửa đầu năm 2023 và chi phí lãi vay gia tăng cũng phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận mục tiêu của SJ1. Trong tương lai, SJ1 gia tăng mở rộng tệp khách hàng, tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với giá cả hợp lý, từ đó nỗ lực cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

- CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX")
- Mã cổ phiếu: SJ1
- Năm tài chính kết thúc ngày: 30/09
- Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 23.485.154 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 23.484.144 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 30/11/2023)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	2.347.453	9,99%	1	1	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	16.283.660	69,336%	3	3	0
	- Trong nước	16.283.660	69,336%	3	3	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn công ty	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	1.010	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	4.853.031	0	515	12	503
	- Trong nước	4.833.065	0	499	10	489
	- Nước ngoài	19.966	0,10%	16	2	14
	TỔNG CỘNG	23.485.154	100%	519	16	503
	- Trong nước	23.464.178	99,91%	503	14	489
	- Nước ngoài	19.966	0,1%	16	2	14

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 30/11/2023)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Công ty cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Quận Tân Phú, HCM	12.044.816	51,29%
2	Trường Đại Học Văn Hiến	665-667-669 Điện Biên Phủ, P.1, Quận 3, TP HCM	1.891.391	8,05%
3	Tổng công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	2-4-6 Đồng Khởi, P Bến Nghé, Quận 1, TP HCM	2.347.453	9,99%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:

Căn cứ Công văn số 324/UBCK-PTTT ngày 13/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành
1	14/11/2007	+1.500.000.000	35.000.000.000	1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu. 2. Phát hành cho người lao động trong Công ty. 3. Phát hành cho cổ đông ngoài Công ty. 4. Phát hành cho người nước ngoài.
2	01/12/2011	+3.500.000.000	38.500.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
3	01/07/2014	+17.332.000.000	55.832.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu.
4	17/03/2015	+13.954.530.000	69.786.530.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
5	24/07/2015	+7.665.310.000	77.451.840.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
6	03/08/2016	+27.101.870.000	104.553.710.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 và phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
7	14/09/2017	+83.252.260.000	187.805.970.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
8	10/08/2018	+11.264.560.000	199.070.530.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính 2017 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9	16/07/2019	+11.941.910.000	211.012.440.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018.
10	23/07/2020	+ 10.548.160.000	221.560.600.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.
11	12/07/2022	+13.290.940.000	234.851.540.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2021

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Năm tài chính 2023 vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh việc tập trung vào hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn luôn ý thức được tầm quan trọng về mục tiêu phát triển bền vững. Việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi kèm với bảo vệ môi trường và xã hội.



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Vì mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp, Công ty luôn ý thức và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài việc đạt được hiệu suất sản xuất, Công ty còn tập trung vào việc nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Hơn nữa, Công ty còn khuyến khích lao động và nhân viên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và tái sử dụng chúng trong quá trình sản xuất, chế biến và phân phối. Ngoài ra, các chất thải công nghiệp, nước thải,... trong quá trình sản xuất của SJ1 luôn đảm bảo được xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Tất cả những việc làm này cho thấy cam kết của Công ty trong việc xây dựng một môi trường sống tốt đẹp và bền vững trong tương lai.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản và phân phối các sản phẩm nông sản, nên việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm từ nguồn nguyên liệu đầu vào đến khâu chế biến, đóng gói, phân phối sản phẩm tới tay người tiêu dùng,... đều được Công ty kiểm định chất lượng. Thông qua đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát qua hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa và nguyên liệu rõ ràng, quy trình chế biến nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 22000, tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu BRC, HALAL trên cơ sở áp dụng HACCP, SSOP-GMP, nhằm tăng cường chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty luôn nhận thức rõ tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng là cách tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó, SJ1 thực hiện những biện pháp phù hợp với bối cảnh và hoạt động của Công ty:

- Sử dụng tiết kiệm: Giảm năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng bằng cách thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều năng lượng bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng.
- Tắt các thiết bị điện không cần thiết khi ra khỏi phòng hoặc hết giờ làm việc.
- Bố trí và điều chỉnh hệ thống chiếu sáng phù hợp với từng khu vực.
- Không ngừng cải tiến, tối ưu hoá quá trình sản xuất giúp sử dụng năng lượng hiệu quả hơn.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TIÊU THỤ NƯỚC

Chúng tôi cùng với Chính phủ nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng nước tiết kiệm. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp, nguồn nước đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong khâu chế biến, sản xuất sản phẩm:

- Tại nhà máy Khu công nghiệp Tân Phú Trung – Củ Chi, nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và không có sử dụng nước giếng khoan, không sử dụng nước tái chế lại.
- Tại nhà máy Khu Công nghiệp Sa Đéc- Đồng Tháp, nhà máy sử dụng nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp. Ngoài ra, nhà máy còn sử dụng nước giếng khoan.
- Giảm thiểu nguồn nước sử dụng và giảm thải nước ra môi trường tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chú trọng và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài việc đạt được hiệu suất sản xuất, Công ty còn tập trung vào việc nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý để giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Hơn nữa, Công ty còn khuyến khích lao động và nhân viên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và tái sử dụng chúng trong quá trình kinh doanh. Tất cả những việc làm này cho thấy cam kết của Công ty trong việc xây dựng một môi trường sống tốt đẹp và bền vững trong tương lai.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/9/2023 là 574 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm tài chính 2023 là 7.739.098 đồng/ người.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Với đặc thù là doanh nghiệp chế biến sản phẩm thủy hải sản và phân phối các sản phẩm giá trị gia tăng nên Công ty sử dụng nhiều lao động. Vì thế để có thể duy trì được nguồn nhân lực, Công ty luôn cố gắng chăm lo cho người lao động, cụ thể như sau:

- Bảo đảm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho toàn thể cán bộ công nhân viên để đảm bảo chế độ chính sách của nhân viên.
- Ngoài mức lương hàng tháng và trợ cấp, người lao động còn nhận được các hỗ trợ như quà tặng, thưởng,... trong suốt quá trình làm việc.
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: Tổ chức hoạt động vui trung thu cho người lao động trong công ty; tổ chức hoạt động cho các ngày lễ tết như: 20/10, lì xì đầu năm mới,...

Ngoài ra, Công tác an toàn lao động là một trong những tiêu chí rất quan trọng và tiên quyết trong hoạt động của SJ1. Với tiêu chí đó, Công ty luôn có kế hoạch thiết lập và duy trì môi trường làm việc an toàn, loại trừ các mối nguy hiểm có thể xảy ra gây tai nạn cho người và thiệt hại về tài sản. Để thực hiện được tiêu chí đó, Công ty luôn đáp ứng và tuân thủ nghiêm túc các điều kiện an toàn trong sản xuất nhằm tránh và đảm bảo không xảy ra các rủi ro và nguy hiểm khi sản xuất như sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Công ty đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động đào tạo về an toàn lao động để người lao động của Công ty làm việc trong môi trường an toàn.
- Kiểm tra tính đảm bảo an toàn của toàn bộ thiết bị máy móc trước khi sản xuất.

Hoạt động đào tạo người lao động

Hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong những chính sách được Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Trong năm, các nhân sự mới được tuyên truyền và đào tạo nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa truyền thống của Công ty, giữ vững và phát huy truyền thống "Uy tín, Chất lượng". Dựa trên các báo cáo hiệu quả công tác, vai trò đóng góp của từng nhóm lao động để lập kế hoạch cho các hoạt động của nguồn nhân lực. Thông qua đó, người lao động được định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, vừa cùng hướng đến mục tiêu hoạt động chung của Công ty vừa nâng cao lợi ích cá nhân của người lao động.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn chú trọng đào tạo người lao động từ lúc tuyển dụng vào làm việc về tuân thủ nội quy, quy định về an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm điện, nước; Cùng với chính quyền tại địa phương, hàng năm SJ1 tặng quà, hỗ trợ về vật chất cũng như tinh thần cho người nghèo tại một số khu vực trên địa bàn hoạt động. Vào ngày 27/09/2023, Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu đã tham gia nhiều hoạt động ý nghĩa vui trung thu cùng các em học sinh tại Trường Tiểu Học Tân Thành 1, Xã Tân Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp. Tại đây Công ty đã tổ chức cho các em vui chơi trung thu và trao tặng cho các em nhiều phần quà nhằm động viên, khuyến khích các em luôn vươn lên trong việc học tập, rèn luyện bản thân, vượt qua mọi khó khăn để trở thành một công dân tốt, một tấm gương sáng có ích cho xã hội.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. SJ1 luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.





03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 76 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 80 Tình hình tài chính
- 82 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 83 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 84 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 86 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm tài chính 2023, Kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với các thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tình bất ổn cao, cuộc chiến Nga – Ukraine tiếp tục căng thẳng, lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ, các chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lãi suất điều hành các nước trên thế giới đều tăng để đối phó với lạm phát. Việt Nam cũng không nằm ngoài biến động chung của thế giới, các ngân hàng có thời điểm nâng lãi suất huy động lên tới 10%/năm, tỷ giá USD/VND biến động mạnh ảnh hưởng đến các mặt hàng nhập khẩu.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua chịu tác động bởi giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao, việc tăng tỷ giá và hạn chế nguồn cung cùng với lãi suất vay vốn ngân hàng tăng, làm tăng chi phí sản xuất của Công ty.

We are a Manufacturer

CÔNG TÁC KINH DOANH:

- ◆ Doanh thu thuần trong năm tài chính 2023 đạt 1.396.760.366.426 đồng tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt 93% so với kế hoạch.
- ◆ Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm tài chính 2023 đạt 19.092.055.753 đồng, giảm 5% so với cùng kỳ năm tài chính 2022 và đạt 53% so với kế hoạch.
- ◆ Tỷ trọng doanh thu bán hàng GTGT: Châu Á chiếm 68% (trong đó Hàn Quốc 35%, Nhật bản 29%, thị trường Châu Á khác 4%), Châu Âu chiếm 31% (gồm Bỉ 18%, Hà Lan 7%, thị trường Châu Âu khác 06%...), Úc chiếm 1%
- ◆ Đã phát triển các dòng sản phẩm mới cho xuất khẩu và nội địa như Bánh Menbosa khoai tây, rau củ tempura, tôm tẩm bột ngũ cốc, xúc xích chả lụa,...
- ◆ Đội ngũ Sales tiếp tục được phân bổ chi tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo; tiếp tục xây dựng và quảng bá thương hiệu ra thị trường thế giới.
 - Phân loại khách hàng và xây dựng chính sách đối với từng khách hàng cụ thể, từng chương trình đối với từng loại hàng hóa vào những thời điểm thích hợp để phát triển kinh doanh phù hợp với biến động thị trường.
 - Phát triển thêm được 14 khách hàng mới với doanh số đạt gần 35 tỷ đồng.

DOANH THU THUẦN

1.396.760.366.426 đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

19.092.055.753 đồng

THƯƠNG HIỆU THỦY HẢI SẢN CHẾ BIẾN ĐÔNG LẠNH CAO CẤP TẠI VIỆT NAM

Sản phẩm đã có mặt tại các hệ thống siêu thị trên toàn quốc như:

BigC, Co.opXtra, Vinmart, LotteMart,

Aeon Citimart, Giant,...

CÔNG TÁC SẢN XUẤT:

- ◆ Chất lượng sản phẩm chính là sự sống còn của Công ty, Chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng để làm hài lòng khách hàng. Với phương châm trên, Công ty luôn tuân thủ:
 - Lãnh đạo cấp cao của Công ty luôn chú trọng đến chất lượng và cam kết cung cấp đầy đủ nguồn: Nhân lực, vật lực, kinh phí cho hoạt động kiểm soát chất lượng của Công ty ở mức cao nhất.
 - Thu mua nguyên phụ liệu từ nhà cung cấp có chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc có các hồ sơ đạt chất lượng và nguồn gốc rõ ràng.
 - Các sản phẩm thỏa mãn yêu cầu về chất lượng, sản xuất đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn thực phẩm, không gian lặn thương mại, tuân thủ pháp luật, chế định và các yêu cầu của khách hàng.
 - Nước thải, rác thải và khí đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - Thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005, BRC, HALAL, HACCP,.. trong đó bao gồm việc tuân thủ các luật định liên quan về vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Hàng năm Công ty có lịch đào tạo và huấn luyện nâng cao nhận thức về đạo đức, trách nhiệm và trình độ của CBCNV về hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu liên quan đến quá trình, sản phẩm và các yêu cầu dịch vụ như:
 - o Đào tạo bên ngoài do các Cơ quan tổ chức: Intertek, SGS, NAFIQUAD,.
 - o Đào tạo nội bộ hàng năm bởi các chuyên gia được đào tạo bên ngoài, có đủ trình độ và kỹ năng truyền đạt.
- ◆ Trong năm tài chính 2023, Công ty đầu tư mạnh mẽ và chủ trương áp dụng Máy móc thiết bị để thay thế sức lao động con người như: Xe nâng, hệ thống điều hòa không khí nhà xưởng, máy hàn mây đai dây đóng thùng, hệ thống băng tải trong chế biến,..
- ◆ Kiểm soát hiệu quả các mục tiêu về chi phí: điện, nước, nước thải, công cụ, dụng cụ, chi phí bảo trì, bảo dưỡng,..



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TÁC MUA HÀNG:

- ◆ Giá trị mua hàng cho sản xuất trong năm 2023 đạt trên 85% so mục tiêu chung và đạt 112% so với năm 2022.
- ◆ Về nguyên liệu đầu vào: giá các mặt hàng thủy hải sản đầu vào thuộc các loại hàng đánh bắt như bạch tuộc, mực, ghẹ cũng như các loại nông sản: khoai tây,... vẫn giữ giá ở mức cao trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế trên thị trường và xung đột chiến tranh nên giá nguyên liệu đầu vào của một số mặt hàng có giảm vào những tháng cuối năm 2023. Tận dụng thời điểm này, Công ty đánh giá các mặt hàng thiết yếu để mua dự trữ nhằm đảm bảo các đơn hàng mới có giá cạnh tranh hơn.
- ◆ Hoạt động mua hàng thường xuyên nắm bắt tình hình biến động nguyên vật liệu trên thị trường, đảm bảo đầy đủ kịp thời cho hoạt động sản xuất tại các nhà máy.

" Chất lượng là sự sống còn của Công ty, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng để làm hài lòng khách hàng "

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- ◆ Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ◆ Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng.
- ◆ Quản lý tốt hàng hóa tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ◆ Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về giảm thuế GTGT từ 10% xuống còn 8%, và cập nhật các quy định mới của Cơ quan thuế.
- ◆ Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG ĐÃ NIÊM YẾT:

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như:

- ◆ Công bố các thông tin liên quan Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết ĐHĐCĐ và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023, Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông văn bản, các Tài liệu Đại hội đồng cổ đông.
- ◆ Công bố các thông tin liên quan đến sự thay đổi nhân sự đúng quy định.
- ◆ Công bố các thông tin liên quan đến Quy chế quản trị và Điều lệ Công ty.
- ◆ Báo cáo thường niên năm tài chính 2022, báo cáo tình hình quản trị năm 2022.
- ◆ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 1, quý 2, quý 3, quý 4 năm tài chính 2023.
- ◆ Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) bán niên năm tài chính 2023 đã được soát xét.
- ◆ Báo cáo tình hình quản trị bán niên năm 2023.
- ◆ Công bố các thông tin bất thường khác.

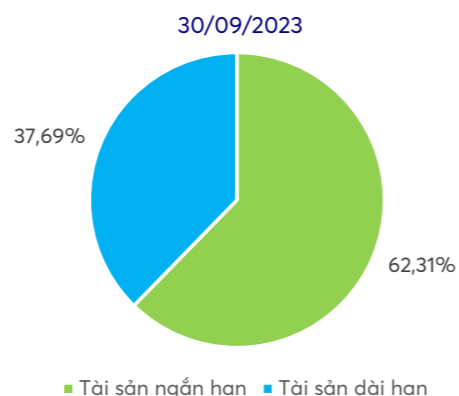
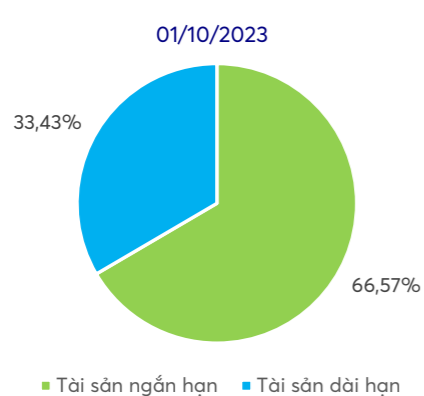
CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ:

- ◆ Hoàn thiện cấu trúc tổ chức; Chức năng nhiệm vụ, Mô tả công việc; Định biên nhân sự các phòng ban.
- ◆ Thực hiện bổ nhiệm/miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- ◆ Thực hiện việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành quản trị.
- ◆ Triển khai và thực hiện các chính sách hỗ trợ Người lao động theo quy định.
- ◆ Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự theo chỉ đạo để phát triển kinh doanh thêm các mặt hàng mới.
- ◆ Hoàn thành việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản theo đúng quy định.
- ◆ BCHCĐ và Cán bộ quản lý đã tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời đối với các trường hợp CBCNV có hiếu hì, ốm đau, thai sản, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn; xây dựng chính sách chăm sóc y tế, hỗ trợ cho người lao động khi gặp khó khăn, ốm đau cần hỗ trợ.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Khoản mục	01/10/2022		30/09/2023		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	672.254	66,57%	720.486	62,31%	+7,17%
Tài sản dài hạn	337.524	33,43%	435.801	37,69%	+29,12%
Tổng tài sản	1.009.778	100%	1.156.287	100%	+14,51%



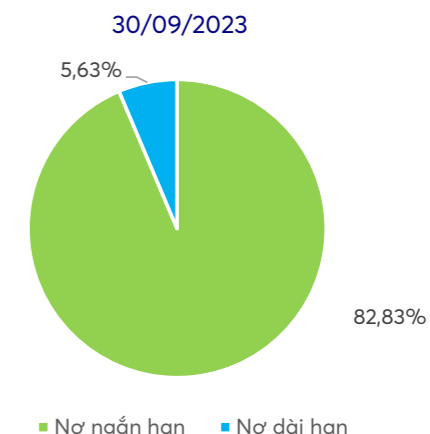
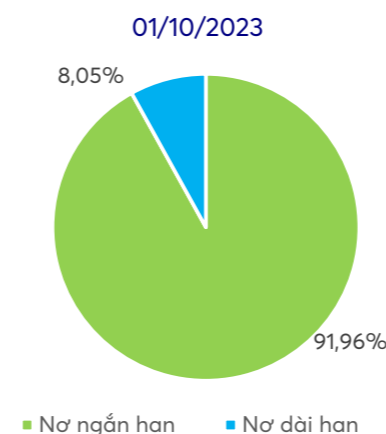
Tính đến 30/09/2023, tổng tài sản của Công ty đạt 1.156.287 triệu đồng, tăng 14,51% so với thời điểm 01/10/2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn với 62,31% tổng tài sản phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất. Cả hai chỉ số tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều tăng. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 720.486 triệu đồng, tăng 48.232 triệu đồng (tương đương với tăng 7%) so với 672.254 triệu đồng tại 01/10/2022, chủ yếu đến từ việc hàng tồn kho tăng mạnh 50.842 triệu đồng so với 303.076 triệu đồng thời điểm 01/10/2022 (tương đương với tăng 16,78%, chiếm tỷ trọng 30,61% trong tài sản ngắn hạn), tồn kho tăng từ việc Công ty tích trữ nguyên vật liệu thiết yếu tại thời điểm cuối năm tài chính 2023 khi giá nguyên liệu đầu vào của một số mặt hàng giảm, nhằm đảm bảo các đơn hàng mới có giá cạnh tranh hơn.

Tài sản dài hạn của SJ1 tăng mạnh từ 337.524 triệu đồng tại 01/10/2022 lên đến 435.801 triệu đồng so với thời điểm cuối năm tài chính 2023 (30/09/2023), tăng 98.276 triệu đồng, tương đương với tăng 29,12%. Trong đó, ghi nhận tài sản dài hạn tăng là khoản mục tài sản dở dang dài hạn tăng 690,91%, tương đương tăng 93.052 triệu đồng so với 13.468 triệu đồng đầu năm tài chính 2023. Trong năm, Công ty đầu tư vào Dự án nhà máy Happyfood Vietnam (nhà máy HAH) tại Phường Tân Quy Đông, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp với gần 100.563 triệu đồng để phục vụ cho công tác chuẩn bị đưa nhà máy HAH thuộc dự án này đi vào hoạt động trong năm tài chính 2024.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Căn cứ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất

Khoản mục	01/10/2022		30/09/2023		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	649.389	91,96%	684.381	82,83%	+5,39%
Nợ dài hạn	56.826	8,05%	141.820	5,63%	+149,57%
Tổng nợ phải trả	706.216	100%	826.202	100%	+16,99%



Tại thời điểm cuối năm tài chính 2023, tổng nợ phải trả của SJ1 tăng 16,99%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm gần 83%, tăng nhẹ 5,39% so với cùng kỳ, trong khi đó nợ dài hạn tăng đột biến so với thời điểm đầu năm tài chính 2023 (01/10/2022) với tỷ lệ tăng 149,57%, tương đương với tăng 89.994 triệu đồng so với 56.826 triệu đồng tại thời điểm đầu năm tài chính 2023. Nợ ngắn hạn của Công ty tăng 34.992 triệu đồng tại thời điểm 30/09/2023 chủ yếu là do khoản vay từ các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động hoạt động trong năm, đặc biệt là thời điểm cuối năm công ty gia tăng lượng hàng tồn kho, dẫn đến khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 24.437 triệu đồng so với 593.350 triệu đồng tại thời điểm đầu năm tài chính 2023. Nợ dài hạn của SJ1 tăng chủ yếu là do phát sinh khoản Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến từ công ty con là Công ty TNHH Happyfood VietNam vay Ngân hàng để xây dựng Nhà máy HAH thuộc dự án nhà máy Happyfood Vietnam.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Trải qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã không ngừng học hỏi và cải thiện để phát triển bền vững. Một trong những thành tựu đáng kể đó là việc xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên chất lượng, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn tốt và tinh thần trách nhiệm cao. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn và thực tế để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự.

Công ty tập trung phát triển thương hiệu ở các thị trường mới mở rộng bằng việc phát triển các sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đầu tư thêm máy móc thiết bị phương tiện máy móc thiết bị để thay thế sức lao động con người như: Xe nâng, hệ thống điều hòa không khí nhà xưởng, máy hàn máy đai dày đóng thùng, hệ thống băng tải trong chế biến,..

Cải tiến phương án kinh doanh, chính sách bán hàng phù hợp theo thời vụ, luân chuyển vốn nhanh chóng.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và xã hội, và tham gia tích cực vào các công tác xã hội khác tại địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Theo báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2023, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2023 và báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 30/9/2023 của Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH, KINH DOANH

Chi Tiêu	Đvt	Năm 2024
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.600.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.000

CÔNG TÁC KINH DOANH

- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt tập trung thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Pháp, Hà Lan,... đối với mặt hàng GTGT, riêng thị trường BRICS tập trung mặt hàng tôm bán thành phẩm, cá tra đông lạnh, hạt điều và cafe.
- Tích cực tìm kiếm, giới thiệu sản phẩm của Công ty nhằm phát triển thị trường mới tại Anh.
- Đảm bảo 80% khách hàng hiện hữu phát sinh doanh thu tăng 10%/khách hàng/năm so với năm tài chính 2023.
- Định hướng xây dựng và M&A các nhà xưởng, nhà máy thu mua và sản xuất hạt điều, cafe tại Củ Chi, Đắk Nông, Bình Phước, Đắk Lắk, Gia Lai.
- Tiếp tục phát huy đưa thương hiệu Ochoa/HappyFood/HappyNoodles.. vào ít nhất 03 chuỗi nhà hàng/ Cửa hàng Fastfood/ Cửa hàng tiện lợi/ Đại lý.
- Tập trung đẩy mạnh các mặt hàng chủ lực của Công ty nhằm đẩy mạnh sản lượng và doanh thu.
- Tham gia các triển lãm quốc tế được tổ chức tại Tây Ban Nha (Seafood Expo Global), Trung Quốc (Sial Shanghai), Hàn Quốc (Seaoul Food), Singapore (Seafood Expo Asia), Đức (Anuga – Food & Beverage)
- Tham gia các chương trình diễn đàn, kết nối giao thương B2B trong nước và quốc tế do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài hiện hữu thiết lập mối quan hệ mua bán song phương; nhập khẩu hoặc nghiên cứu tạo ra dòng sản phẩm an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho Nhà máy theo công nghệ tiên tiến.
- Duy trì thường xuyên kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- Duy trì kiểm soát chi phí sản xuất: điện, nước, nước thải, chi phí bảo trì – sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với các Bộ phận, Phòng ban liên quan nhằm đảm bảo kịp thời sản xuất- xuất khẩu.



CÔNG TÁC MUA HÀNG

- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị trường (Tôm, Bạch tuộc, cá..) để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Tận dụng lợi thế vào vụ và giá tốt phối hợp để xuất kế hoạch mua trữ nhằm giảm giá thành sản xuất, tăng thêm thế cạnh tranh khi chào bán.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Lập kế hoạch tài chính, nhân sự, máy móc, thiết bị để chuẩn bị đưa nhà máy HAH thuộc dự án Công ty TNHH Happy Food Việt Nam đi vào hoạt động trong năm 2024.
- Hoàn thành báo cáo tài chính đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh.
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển.
- Xây dựng chính sách để giữ chân công nhân lao động có tay nghề, người lao động lâu năm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG:

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tiếp tục củng cố và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ nguồn nguyên vật liệu, sản xuất chế biến đến phân phối, trong đó nhấn mạnh tiêu chí an toàn và chất lượng. Do đó, Công ty đã không ngừng nỗ lực cải tiến quy trình sản xuất chế biến, tăng đầu tư, trang bị thiết bị máy móc hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường.

Trong công tác sản xuất, công ty đã thực hiện tăng cường kiểm soát liên quan đến:

- Kiểm soát Định mức nguyên liệu.
- Chi phí điện, nước, kiểm soát máy móc thiết bị.
- Kiểm soát mục tiêu về chất lượng sản phẩm.
- Kiểm soát chi phí khác trong hoạt động sản xuất: chi phí tài chế, thay bao bì.
- Kiểm soát mục tiêu đầu tư máy móc thiết bị.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Có thể khẳng định những thành tựu của SJ1 đã và đang có được trong vòng hơn 45 năm qua đều được tạo nên từ một trong những tài sản quý giá của Công ty – Nguồn nhân lực. Với mỗi người lao động vào làm việc, Công ty đều đảm bảo có một công việc phù hợp, có thu nhập và phúc lợi xứng đáng. Đội ngũ nhân sự ngày càng chất lượng, lành nghề, có trình độ chuyên môn cao. Thấu hiểu tầm quan trọng mỗi năm, Công ty duy trì và xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân người lao động giỏi, lao động có tay nghề. Về công tác tuyển dụng, Công ty đã xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển; đào tạo tay nghề cho công nhân mới, hỗ trợ lương cho nhân công học việc.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:



Là Công ty sản xuất và chế biến các sản phẩm Giá trị gia tăng thủy sản, nông sản, chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế các sản phẩm đều được kiểm tra kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng bằng việc Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP ASC/MSC... nhằm đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường. Cùng với đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu tạo ra các dòng sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng thị phần, Công ty còn chú trọng đến an sinh xã hội, góp phần đóng góp để phát triển cộng đồng xã hội ngày càng phát triển hơn.

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 90 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 92 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 92 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế khó khăn chung của khu vực và thế giới thì công tác quản trị tại SJ1 càng được Hội đồng quản trị đặc biệt chú trọng để đảm bảo Công ty luôn được hoạt động liên tục và bền vững.

Năm tài chính 2023, Hội đồng quản trị đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.



CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH, TÀI CHÍNH

- ◆ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.396.760.366.426 đồng, bằng 93% so với kế hoạch và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2022.
- ◆ Lợi nhuận trước thuế đạt 19.092.055.753 đồng, bằng 53% so với kế hoạch và bằng 94% so với cùng kỳ năm 2022.
- ◆ Tổng tài sản tại ngày 30/09/2023 đạt 1.156.287.218.414 đồng, tăng 15% so với cùng thời điểm của năm 2022.
- ◆ Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/09/2023 đạt 720.486.392.287 đồng, tăng 7% so với cùng thời điểm của năm 2022.
- ◆ Tài sản dài hạn tại ngày 30/09/2023 đạt 435.800.826.127 đồng, tăng 29% so với cùng thời điểm của năm 2022.
- ◆ Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2023 đạt 330.085.673.925 đồng, tăng 9% so với cùng thời điểm của năm 2022.

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

- ◆ Ban Điều hành Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- ◆ Ban Điều hành thực hiện các chương trình đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý, điều hành nhằm khuyến khích phát triển nhân lực cũng như tăng cường công tác giám sát và thúc đẩy hoạt động của Công ty.

SẢN XUẤT

- ◆ Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL... để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- ◆ Tiếp tục đầu tư MMTB cho các Nhà máy.
- ◆ Đầu tư hoàn thành các hạng mục để hoàn thiện line sản xuất nông sản tại nhà máy HAF - Khu công nghiệp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
- ◆ Đầu tư hoàn thiện hệ thống máy trung tự động và máy trộn bột tự động công đoạn sản xuất bạch tuộc tẩm bột tại nhà máy HAT - KCN Tân Phú Trung, Củ Chi.
- ◆ Duy trì kiểm soát nguyên liệu sản xuất, đảm bảo chất lượng và tiến độ sản xuất.
- ◆ Duy trì kiểm soát chi phí: điện, nước, nước thải, chi phí bảo trì sửa chữa, công cụ dụng cụ.
- ◆ Rà soát đơn hàng, kế hoạch sản xuất hàng tháng đối với Các Bộ phận, Phòng ban liên quan nhằm đảm bảo kịp thời cho hoạt động sản xuất - xuất khẩu.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2023.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp khắc phục khó khăn và tận dụng cơ hội trong năm tài chính 2023.

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực vì sự phát triển của Công ty, thường xuyên xin ý kiến HĐQT trên các lĩnh vực:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Thực hiện quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty; thực hiện tốt các chính sách tiền lương, điều kiện ăn ở, sinh hoạt và chế độ phúc lợi cho người lao động, qua đó đảm bảo việc làm và đời sống ổn định cho người lao động.
- Luôn bám sát các Nghị quyết điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời linh hoạt theo tình hình biến động của thị trường.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2024



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.600.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	Từ 6 – 8%



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Chi đạo các phương án, kế hoạch hành động để đưa Nhà máy Happyfood VietNam đi vào hoạt động trong năm 2024.
- Khai thác tiềm năng tại các thị trường chú trọng đến thị trường Trung Quốc, UAE.
- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm nhãn hiệu Happyfood trong thị trường nội địa, đa dạng mặt hàng mới, tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Tham gia hiệp hội Am Cham/ Euro Cham, các hội nghị/ diễn đàn xúc tiến và kết nối giao thương, các kênh bán hàng B2B....
- Tăng cường phát triển kinh doanh hàng GTGT và nông sản tại thị trường Trung Quốc, Trung Đông và mở rộng phát triển mặt hàng Tôm nguyên liệu bán thành phẩm tại thị trường Châu Á (Hàn quốc, Singapore, Trung Quốc..) và Châu Âu (Pháp, Bỉ, Hà Lan...).
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có, thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi cũng như nghiên cứu tạo ra các dòng sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALAL, HACCP; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng;
- Thực hiện rà soát, theo dõi và thực hiện các biện pháp cải tiến đáp ứng mục tiêu về: Sản lượng, Định mức, Chất lượng, Kỹ thuật Cơ điện, Đầu tư MMTB, Phát triển sản phẩm mới.
- Quyết liệt đầu tư MMTB giảm công lao động và tăng năng suất như: Băng tải chế biến tự động, bàn băng tải trong sản xuất, các MMTB khác.
- Xúc tiến phương án đầu tư cải tạo, mở rộng hệ thống kho.
- Thực hiện kiểm soát Nguyên liệu đầu vào theo đúng tiêu chuẩn nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng khó tính như: Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...
- Duy trì thực hiện công tác đào tạo CBCNV về Phòng cháy chữa cháy, Chất lượng ATVSTP, Đào tạo kiến thức về BRC, ISO, HACCP..., Vận hành MMTB ...
- Duy trì môi trường làm việc thân thiện, gắn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau với phương châm xây dựng tập thể Công ty như một gia đình thứ hai. Thực hiện các biện pháp giữ chân Công nhân và tăng cường tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của Nhà máy.
- Tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động giá nguyên liệu trên thị để điều chỉnh việc mua hàng trong nước và nhập khẩu phù hợp.
- Chủ động tích trữ một số nguyên liệu có giá cả tốt dựa vào nhu cầu đặt hàng của khách hàng.
- Thực hiện công tác quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ chính sách.
- Tuyển dụng hoặc đào tạo phát triển thêm cán bộ quản lý kinh doanh.
- Bổ sung thêm các nguồn cung ứng, Nhà cung cấp lao động phổ thông cho Nhà máy.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ tuyển dụng, ổn định cuộc sống cho công nhân tân tuyển;
- Xây dựng chính sách để giữ công nhân, lao động có tay nghề.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

96 Hội đồng quản trị

106 Ủy ban kiểm toán

109 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán





ÔNG TỪ THANH PHỤNG CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1975

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Phát Triển Hùng Hậu

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.309.750 cổ phiếu, chiếm 5,57% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 1.055.034 cổ phiếu, chiếm 4,49% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 254.716 cổ phần, chiếm 1,08% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.
- Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 06/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 14/01/2019 – 02/12/2021: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 15/12/2020 - 02/12/2021: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 02/12/2021 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Phát Triển Hùng Hậu
- Từ 02/12/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.



BÀ PHẠM THỊ MINH NGUYỆT PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1983

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật học

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.576.935 cổ phiếu, chiếm 10,975% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 2.375.936 cổ phiếu, chiếm 10,12% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 200.999 cổ phần, chiếm 0,855% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 2007: Trợ lý Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Tiếp thị ứng dụng Thông Thái
- Từ 2007 đến 2008: Tư vấn pháp lý Công ty TNHH Tư vấn & Quản lý Liên Hiệp Việt
- Từ 2008 đến 2013: Chuyên viên pháp chế Công ty TNHH Phần mềm Đông Nam Á
- Từ 2013 đến 09/2016:
 - » Chuyên viên pháp chế CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - » Chuyên viên Văn phòng Chủ tịch HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - » Giảng viên thỉnh giảng tại Trường ĐH Văn Hiến
- Từ 09/2016 -12/2017:
 - » Chánh Văn phòng Ban điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
 - » Giảng viên thỉnh giảng tại trường Đại học Văn Hiến
- Từ 11/2017 đến 01/5/2019:
 - » Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giáo dục Hùng Hậu
 - » Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Văn Hiến
- Từ 05/2019 đến 04/2021: Giám đốc điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu
- Từ 28/12/2019 đến 27/11/2021: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 04/2021 đến 10/2022: Phó hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến
- Từ 02/12/2021 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu
- Từ 10/2022 đến nay: Phó Chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến



BÀ LÊ THỊ THÙY PHƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KIỂM TRƯỞNG UBKT

Năm sinh: 1980

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Trưởng Ủy ban kiểm toán

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Đại diện vốn: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác:

- » Năm 2002 đến 2005: Trường Informatics Việt Nam, Chuyên viên giáo vụ
- » Năm 2006 đến 2008: Trường Informatics Việt Nam, Phó phòng giáo vụ
- » Năm 2008 đến 2013: Viện nghiên cứu và đào tạo Quảng cáo, Phó trưởng Phòng đào tạo
- » Năm 2014 đến 2016: Trường Đại học Văn Hiến, Chuyên viên Viện Doanh trí
- » Năm 2016 đến 2017: Trường Cao đẳng Vạn Xuân, Phó Hiệu trưởng
- » Năm 2017 đến 06/2020: Trường Trung cấp Y Dược Vạn Hạnh, Hiệu trưởng
- » Tháng 09/2019 đến 2021: Công ty Cổ phần giáo dục Hùng Hậu, Phó Tổng Giám đốc
- » Tháng 09/2021: Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu, Tổng Giám đốc.
- » Tháng 12/2022 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ủy ban kiểm toán CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu



BÀ HUỲNH THANH
THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM THÀNH VIÊN UBKT

Năm sinh: 1978

Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu, Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.038.151 cổ phiếu, chiếm 4,416% vốn điều lệ

- Đại diện vốn: 844.027 cổ phiếu, chiếm 3,59% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 194.124 cổ phần, chiếm 0,826% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

- » Từ 2001 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Mỹ Anh.
- » Từ 2006 – 2012: Quản lý nhóm Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán và Tư vấn Đồng Khởi.
- » Từ 2014 – 2018: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: CTCP Thủy sản Số 1).
- » Từ 2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Hùng Hậu.
- » Từ 04/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- » Từ 12/2019 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu.
- » Từ 02/2020 - nay: Giám đốc Điều hành CTCP Phát triển Hùng Hậu.



ÔNG VŨ QUANG CHÍNH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

(Sơ yếu lý lịch (SYLL) của ông Vũ Quang Chính
xem mục Lý lịch của Ban điều hành)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu hoạt động theo mô hình không có Ban kiểm soát, thay vào đó thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

Các tiểu ban đã thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



Tiểu ban chiến lược gồm các thành viên:

- Ông Từ Thanh Phụng - Trưởng tiểu ban
- Ông Vũ Quang Chính - Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên
- Bà Nguyễn Yến - Thành viên
- Ông Trần Anh Dũng - Thành viên

Các công tác đã thực hiện được năm tài chính 2023

- Tham mưu cho HĐQT định hướng hoạt động ngắn hạn và dài hạn, những mục tiêu mang tính chiến lược của CTCP Nông nghiệp Hùng Hậu; tham mưu HĐQT các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của đơn vị. Trong đó: Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2023 có doanh thu thuần đạt 1.396 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch và đạt 105% so với cùng kỳ.
- Nghiên cứu, phân tích, nhận định các điểm mạnh/ điểm yếu, các điểm khác biệt của SJ1 so với các công ty đối thủ trong ngành.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách, định hướng phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Nghiên cứu, phân tích, nhận định các thị trường chiến lược, thị trường tiềm năng trong thời gian tới cho hoạt động kinh doanh của Công ty, liên hệ với các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc.... để có phương hướng liên kết, hợp tác để đảm bảo đầu ra cho các dự án mới của SJ1.
- Phân tích, xem xét đánh giá lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng và chính sách về giá; rà soát lại công tác mua hàng, chi phí đầu vào để tối ưu thuế và tối ưu vốn lưu động.
- Tìm kiếm và giới thiệu thêm nhiều khách hàng tiềm năng qua các kênh bán hàng, tăng cường đội ngũ sales và có chính sách ưu đãi thích hợp.
- Đánh giá quy mô năng lực sản xuất các nhà máy, kho vận, góp ý để xuất cải tiến quy trình kỹ thuật công nghệ, đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất tại nhà máy. Tham mưu các phương án đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xác định công năng, quy mô xây dựng các nhà máy mới (dự án nhà máy HAH KCN Sa Đéc, Đồng Tháp và C2-1 KCN Tân Phú Trung, TpHCM).

Kế hoạch định hướng năm 2024

- Tham mưu hỗ trợ hướng dẫn hoàn thành việc tăng vốn điều lệ trong năm 2024 theo NQ ĐHĐCĐ năm tài chính 2023 ngày 24/12/2022.
- Đánh giá, nhận định hướng phát triển và mở rộng thị trường nội địa, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các nước, khu vực đã và đang ký kết các Hiệp định thương mại tự do; phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng.
- Đề xuất, tham mưu các chương trình quảng bá sản phẩm thông qua tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối giao thương trong và ngoài nước.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các kênh bán hàng hiện đại nhằm đa dạng hóa thị trường, đối tượng khách hàng.
- Hỗ trợ tìm kiếm, kết nối các đối tác, nhà đầu tư liên kết hợp tác trên tinh thần đôi bên cùng có lợi.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tiểu ban nhân sự - Lương thưởng

Tiểu ban chiến lược gồm các thành viên:

- Bà Phạm Thị Minh Nguyệt - Trưởng tiểu ban
- Ông Dương Bửu Khang - Thành viên
- Ông Nguyễn Tú Kỳ - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Thành viên

Các công tác đã thực hiện được năm tài chính 2023:

- Thực hiện các công tác tham mưu cho HĐQT:
- + Tham mưu việc bổ nhiệm/ miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
- + Tham mưu việc ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành.
- + Tham mưu các giải pháp nhân sự trong tình hình kinh tế thế giới đang gặp khó khăn nhằm tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- + Tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- + Soát xét gói thù lao HĐQT năm 2023.
- Giám sát các hoạt động:
- + Thực hiện Quy định tính thu nhập và các chính sách khen thưởng - chế tài của Công ty.
- + Giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự/lương thưởng/hỗ trợ nhân sự.
- + Tính tuân thủ các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.
- + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa.
- + Giám sát việc chi thù lao HĐQT, các tiểu ban năm 2023

Kế hoạch định hướng năm 2024:

- Tiếp tục thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự - lương thưởng được quy định trong Điều lệ của Công ty.
- Tiếp nhận các công việc được phân công từ HĐQT.
- Thực hiện các công tác tham mưu:
- + Xây dựng Chính sách hỗ trợ - đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế hiện tại của Công ty.
- + Các trường hợp CBQL cấp cao được bổ nhiệm/ thôi nhiệm.
- + Soát xét thù lao HĐQT bán niên năm tài chính 2024 và đề xuất thù lao năm tài chính 2025.
- Thực hiện giám sát:
- + Hoạt động hoạch định nhân sự kế thừa và phát triển nhân sự.
- + Chương trình đào tạo đội ngũ nhân sự phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- + Giám sát việc thực hiện, tính tuân thủ các quy trình, quy định, chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều hành cấp cao của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- + Tại SJ1, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty đã được ban hành và công bố thông tin đầy đủ trên website của Công ty. HĐQT đã và đang đảm bảo vai trò giám sát Công ty trong việc theo dõi tình hiệu quả của công tác quản trị, việc tuân thủ pháp luật hiện hành của Công ty.
- + Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận tại các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đều được khuyến khích đề xuất, kiến nghị bất kỳ lúc nào thấy cần thiết cho Công ty và không có giới hạn về mặt không gian, thời gian và nội dung thảo luận.
- + HĐQT của SJ1 có 01 thành viên độc lập, đảm bảo yêu cầu về số lượng thành viên độc lập theo qui định hiện hành. Thành viên độc lập của Công ty là: Bà Lê Thùy Phương được ĐHCĐ bổ nhiệm ngày 24/12/2022.
- + Thành viên độc lập HĐQT tại SJ1 có năng lực để nhận định độc lập về việc xem xét và phê duyệt các kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh và các giao dịch quan trọng và cũng có trách nhiệm xem xét và phê duyệt các giao dịch vượt quá ngưỡng giới hạn nhất định. Khi biểu quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích của các thành viên HĐQT và Công ty, các thành viên HĐQT sẽ bị loại phiếu nếu có lợi ích liên quan đến vấn đề biểu quyết.
- + Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2023, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp bao gồm cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	-
2	Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	12/12	100%	-
3	Ông Vũ Quang Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12/12	100%	-
4	Bà Huỳnh Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán	12/12	100%	-
5	Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Ủy ban kiểm toán	12/12	100%	-



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm tài chính 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp, trong đó có 06 phiên họp trực tiếp và 06 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	NQ số 01.2023/NQ-HĐQT	28/10/2022	Thời gian dự kiến chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023 và dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2023.
2.	NQ số 03.2023/NQ-HĐQT	30/11/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo năm tài chính 2023.
3.	NQ số 04.2023/NQ-HĐQT	21/12/2022	Thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Tôn Thất Diên Khoa.
4.	NQ số 05.2023/NQ-HĐQT	20/03/2023	Thông qua việc bổ nhiệm/thông qua đơn xin từ nhiệm của Thư ký Hội đồng quản trị kiêm Người quản trị Công ty – Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
5.	NQ số 06.2023/NQ-HĐQT	31/03/2023	Thông qua danh sách thành viên của Ủy ban Kiểm toán và các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
6.	NQ số 07.2023/NQ-HĐQT	04/04/2023	Thông qua cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu vay vốn.
7.	NQ số 08.2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	Về việc chọn Đơn vị kiểm toán để soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 là Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
8.	NQ HĐQT số 09/NQ-HĐQT		Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ngày 17/05/2023.
9.	NQ HĐQT số 10/NQ-HĐQT	17/05/2023	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài ngày 17/05/2023.
10.	NQ HĐQT số 11/NQ-HĐQT		Phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ngày 17/05/2023.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm tài chính 2023. Thông qua phương hướng thực hiện kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm tài chính 2023.
11.	NQ số 09.2023/NQ-HĐQT	23/05/2023	Thông qua báo cáo của các tiểu ban về đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động của Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Thông qua thời gian chi trả cổ tức theo NQĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023 ngày 24/12/2022, thực hiện chậm nhất ngày 20/06/2023.
12.	NQ số 10.2023/NQ-HĐQT	04/07/2023	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 04/07/2023.
13.	NQ số 11.2023/NQ- HĐQT	08/08/2023	Về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
14.	NQ số 12.2023/NQ-HĐQT		Về phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty năm tài chính 2023 có 01 thành viên độc lập là Bà Lê Thị Thùy Phương. Như các thành viên khác trong HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định pháp luật liên quan, Điều lệ công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm vừa qua công khai, minh bạch. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá Hội đồng quản trị năm tài chính 2023 đã có những nỗ lực hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quyết định hiện hành. Thành viên HĐQT độc lập đều tham gia các phiên họp của HĐQT trong năm 2023 và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào công tác quản trị Công ty trên tinh thần thượng tôn pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất cho công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

UBKT trực thuộc HĐQT của SJ1 gồm có 2 thành viên, trong đó:

Bà Lê Thị Thùy Phương

Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Ủy ban kiểm toán

Bà Huỳnh Thanh

Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán



Danh sách thay đổi thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm:

STT	Thành viên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Từ nhiệm
1	Bà Lê Thị Thùy Phương	Chủ tịch UBKT	24/12/2022	
2	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên UBKT		24/12/2022

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán: Đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm. Ủy ban kiểm toán hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do HĐQT ban hành phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155).

Các công tác đã thực hiện trong năm tài chính 2023:

- Trong năm tài chính 2023, Ủy ban Kiểm toán đã tổ chức các buổi làm việc định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý.
- Ủy ban Kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Trong năm, Ủy ban Kiểm toán không nhận thêm thù lao khác ngoài thù lao của HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023.
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không phát sinh.
- Ủy ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính 2023. Cụ thể như sau:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2023 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Số lượng các cuộc họp Ủy ban kiểm toán

Stt	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Thùy Phương	2/2	100%	100%	Không có
2	Bà Huỳnh Thanh	2/2	100%	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	-	25/6/2023	Triển khai các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty
2	-	28/11/2023	

Kế hoạch định hướng năm 2024

- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng ban để tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty nhằm sớm phát hiện các vi phạm, thiếu sót để chấn chỉnh kịp thời theo đúng quy định.
- Thường xuyên tham gia cùng HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện hệ thống các quy định (quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức chi phí kinh doanh...) về quản trị nội bộ Công ty.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.



LƯƠNG, THUỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	72.000.000	69.300.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	61.200.000	69.300.000
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	13.500.000	54.000.000
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	-	9.000.000
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	54.000.000	40.500.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	13.500.000	54.000.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	40.500.000	-
Cộng		308.700.000	350.100.000

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng quản trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	502.767.500	360.387.345
Ông Vũ Quang Chính	Tổng Giám đốc	390.543.050	422.680.300
Ông Tống Văn Tùng	Tổng Giám đốc	-	88.961.129
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc	377.224.697	364.832.962
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	692.823.869	569.102.605
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng Giám đốc	-	59.443.005
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	191.675.000	160.939.014
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	
Cộng		2.156.043.116	2.026.346.360



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Người nội bộ							
1	Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	254.716	1.08%	254.716	1.08%	-
2	Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	200.999	0.855%	200.999	0.855%	-
3	Huỳnh Thanh	TV HĐQT	194.124	0.826%	194.124	0.826%	-
4	Vũ Quang Chính	TV HĐQT – kiêm TGD	165.953	0.7%	165.953	0.7%	-
5	Lê Thị Thùy Phương	TV HĐQT độc lập					
6	Nguyễn Yến	Phó Tổng Giám đốc	2.620	0.011%	2.620	0.011%	-
7	Nguyễn Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	1.654	0.007%	1.654	0.007%	-
8	Nguyễn Việt Thúy An	Phó Tổng Giám đốc	1.310	0.006%	1.310	0.006%	-
9	Lê Phạm Công Hoang	Phó Tổng Giám đốc	1.310	0.006%	1.310	0.006%	-
10	Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng Giám đốc					
11	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	Kế toán trưởng					
12	Nguyễn Thị Hằng	Thư ký HĐQT	106	0%	106	0%	-
Người có liên quan đến Ông Từ Thanh Phụng - Chủ tịch HĐQT							
1	Công ty CP Phát triển Hùng Hậu				1.055.034	4.49%	-
Người có liên quan đến Bà Phạm Thị Minh Nguyệt							
1	Công ty CP Phát triển Hùng Hậu				2.375.936	10.12%	-
Người có liên quan đến Bà Huỳnh Thanh							
1	Công ty CP Phát triển Hùng Hậu				844.027	3.59%	-
Người có liên quan đến Nguyễn Văn Dol							
1	Nguyễn Thị Kim Mị	Con			455.444	1.935%	-
2	Nguyễn Tấn Phúc	Con			20.000	0.085%	-



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Căn cứ BCTC Hợp nhất năm tài chính 2023

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ hoặc HĐQT
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		Bên liên quan		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.307.628.731	1.393.860.717	
Cho mượn tiền		1.000.000.000	2.230.000.000	
Mượn tiền		84.704.300.000	800.000.000	
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hùng Hậu		Bên liên quan		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.515.309.010	11.039.931.951	
Chi phí mua hàng hóa		4.769.201.558	1.989.574.245	
Cho vay tiền		36.000.000.000	-	
Cho mượn tiền		11.790.000.000	-	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu		Bên liên quan		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		931.536.464	370.370.370	
Trường Đại học Văn Hiến		Bên liên quan		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.596.284.609	30.325.521.542	
Cho mượn tiền		-	2.000.000.000	
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu		Bên liên quan		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.057.408	339.730.486	

NQ HĐQT số: 12.2022.NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 vv thông qua giao dịch các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm	Nghị quyết/ Quyết định ĐHĐCĐ hoặc HĐQT
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		2.982.790.158	1.601.130.467	
Phải thu ngắn hạn khác		-	30.760.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		38.723.647.460	9.556.096.773	
Phải thu về cho vay ngắn hạn		36.000.000.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác		2.354.032.893	-	
Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	208.823.958	
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		823.633.334	400.000.000	
Trường Đại học Văn Hiến		Bên liên quan		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		4.047.498.720	38.762.551	
Phải thu ngắn hạn khác		-	651.776.000	
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		13.228.369.336	14.154.625.468	
Công nợ phải thu		101.430.333.224	26.641.975.217	
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải trả dài hạn khác		35.454.300.000	4.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu		Bên liên quan		
Phải trả người bán ngắn hạn		2.922.230.602	-	
Công nợ phải trả		38.376.530.602	4.000.000.000	

NQ HĐQT số: 12.2022.NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 vv thông qua giao dịch các bên liên quan



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ UBKT

- Công tác Quản trị công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo mọi hoạt động của SJ1 luôn minh bạch và suôn sẻ.
- Đồng thời, việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản trị còn tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban lãnh đạo SJ1 giám sát hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, khuyến khích việc sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả nhất, từ đó giúp Công ty dễ dàng theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và cổ đông.
- Công ty đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng giữa các Cổ đông, luôn luôn ưu tiên đáp ứng yêu cầu tuân thủ quy định CBTT theo quy định của pháp luật hiện hành.



06

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
(HỢP NHẤT + RIÊNG)**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Số: 40.HN/2023/BCSX/SV-VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 11 năm 2023 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số: 03-2/BCKT/TC ngày 12 tháng 12 năm 2022 và đưa ra ý kiến kiểm toán dưới dạng chấp nhận toàn phần.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT



NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2023-107-1

Kiểm toán viên

LÊ NGỌC KHANH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1804-2023-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		720.486.392.287	672.253.898.039	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.409.000.271	32.052.180.967	
1. Tiền	111		14.409.000.271	32.052.180.967	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.517.104.181	39.590.390.249	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	40.517.104.181	39.590.390.249	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.832.092.171	282.013.673.357	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	170.704.311.507	249.691.961.174	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	43.980.566.465	4.740.787.339	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	56.972.171.901		
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	17.262.682.176	28.681.166.520	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(87.639.878)	(1.100.241.676)	
IV. Hàng tồn kho	140		353.918.118.321	303.076.471.135	
1. Hàng tồn kho	141	V.08	353.918.118.321	303.076.471.135	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.810.077.343	15.521.182.331	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	2.176.764.527	2.025.221.405	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.578.198.207	13.440.846.317	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		55.114.609	55.114.609	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		435.800.826.127	337.524.418.966	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.187.874.858	3.809.271.449	
Phải thu dài hạn khác	216	V.10	2.187.874.858	3.809.271.449	
II. Tài sản cố định	220		248.983.276.772	246.466.723.419	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	146.915.117.635	139.117.708.103	
Nguyên giá	222		268.158.453.554	249.197.126.671	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.243.335.919)	(110.079.418.568)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	10.363.968.346	14.446.402.705	
Nguyên giá	225		11.880.532.637	18.269.966.878	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.516.564.291)	(3.823.564.173)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	91.704.190.791	92.902.612.611	
Nguyên giá	228		102.281.820.014	102.281.820.014	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.577.629.223)	(9.379.207.403)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		106.519.630.064	13.468.035.736	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	106.519.630.064	13.468.035.736	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.975.500.000	32.475.500.000	
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	900.000.000	900.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	30.825.500.000	31.325.500.000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.17	250.000.000	250.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.134.544.433	41.304.888.362	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	45.669.399.843	41.304.888.362	
2. Lợi thế thương mại	269	V.19	465.144.590	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.156.287.218.414	1.009.778.317.005	





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		826.201.544.489	706.215.098.202
I. Nợ ngắn hạn	310		684.381.405.986	649.389.345.781
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	31.422.919.133	33.212.624.936
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.022.907.264	901.914.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	19.964.624.799	11.806.577.851
4. Phải trả người lao động	314	V.22	4.573.548.788	3.539.906.528
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	83.214.156
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	9.610.581.101	6.494.609.884
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	617.786.786.593	593.350.459.855
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.308	38.308
II. Nợ dài hạn	330		141.820.138.503	56.825.752.421
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.25	15.982.472.961	10.603.469.162
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	35.454.300.000	4.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	90.088.180.084	42.074.818.737
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		295.185.458	147.464.522
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.085.673.925	303.563.218.803
I. Vốn chủ sở hữu	410		330.085.673.925	303.563.218.803
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.28	234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.851.540.000	234.851.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	5.011.297.455	5.011.297.455
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.28	13.383.008.535	17.281.653.388
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.669.479.255	4.293.509.679
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.713.529.280	12.988.143.709
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	30.421.099.975	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.156.287.218.414	1.009.778.317.005

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.396.812.606.867	1.333.178.991.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	52.240.441	1.352.756.432
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.396.760.366.426	1.331.826.235.424
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.298.041.399.193	1.245.488.474.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.718.967.233	86.337.760.471
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.272.115.916	9.185.876.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	60.429.000.750	46.790.940.425
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.692.276.002	38.231.030.320
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	13.244.311.958	17.939.354.760
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	19.625.505.463	19.050.924.671
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.692.264.978	11.742.417.376
12. Thu nhập khác	31	VI.07	2.111.170.777	9.679.640.869
13. Chi phí khác	32	VI.08	711.380.002	1.175.956.928
14. Lợi nhuận khác	40		1.399.790.775	8.503.683.941
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.092.055.753	20.246.101.317
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	8.358.361.699	7.110.493.086
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	147.720.936	147.464.522
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.585.973.118	12.988.143.709
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		10.713.529.280	12.988.143.709
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(127.556.162)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	443	557

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.092.055.753	20.246.101.317
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		15.137.574.579	15.407.726.532
- Các khoản dự phòng	03	VI.06	(1.012.601.798)	1.100.241.676
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.04	1.530.073.379	2.835.980.335
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.03;07	(9.734.130.196)	(4.164.351.977)
- Chi phí lãi vay	06	VI.04	54.692.276.002	38.231.030.320
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.705.247.719	73.656.728.203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.722.034.285	24.548.522.939
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.841.647.186)	(36.852.381.250)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		71.486.549.101	(54.162.808.266)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.018.913.619)	865.087.374
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.692.276.002)	(38.231.030.320)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.21	(3.495.382.541)	(3.258.603.558)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(463.073.551)	(383.645.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		101.402.538.206	(33.818.130.657)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(125.443.360.592)	(9.675.894.213)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22		5.000.000.000	4.835.889.381
3. Tiền chi cho vay	23		(105.235.776.000)	(8.514.899.068)
4. Tiền thu hồi cho vay	24		48.263.604.099	2.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		1.168.837.450	914.628.411
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	30		(176.246.695.043)	(10.440.275.489)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	V.24;27	1.371.352.882.666	1.276.151.522.190
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.24;27	(1.294.952.858.987)	(1.195.244.738.666)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.24;27	(5.416.621.864)	(10.106.637.476)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.065.231.200)	(4.550.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		56.918.170.615	70.795.595.757
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.925.986.222)	26.537.189.611
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	32.052.180.967	5.467.950.812
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi NT	61		282.805.526	47.040.544
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	14.409.000.271	32.052.180.967

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Diệu

Vũ Quang Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy sản số 1. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302047389 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã hai mươi chín (29) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Thay đổi lần thứ hai mươi chín (29) gần đây nhất (ngày 17 tháng 05 năm 2023) về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 234.851.540.000 VND
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 23.485.154 cổ phần

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 28) 3974 1135
Fax: (84 - 28) 3974 1280
Mã số thuế: 0302047389

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Người lao động

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Công ty có khoảng 574 người lao động đang làm việc (tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 khoảng 563 người).



6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Ngành nghề
Công ty con:				
Công ty TNHH Ngr nghiệp Hùng Hậu	65,00%	100,00%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản,...
Công ty TNHH Happyfood Vietnam	51,00%	59,75%	Lô CVI-2, Khu C, Khu công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến rau quả, nông sản xuất khẩu; Chế biến bảo quản thủy sản,...
Công ty liên kết:				
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30,00%	30,00%	Số 45D/TB Quốc lộ 54, Ấp Tân Bình, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Các báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con phải được lập cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên đầu tư được kế toán như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.
- Phần chênh lệch giữa sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.
- Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị của TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi nhận trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết. Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình khi thích hợp vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định,...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

25 - 50

Máy móc thiết bị

03 - 14

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

04 - 08

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 08

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

07 - 15

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

08

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời hạn thuê đất (Từ 32 - 44 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 05 đến 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại kỳ phiếu, tín phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai; các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu. Thu nhập lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản đầu tư khó đòi.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến khoản đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

14. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: Chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá;
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ khi đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty xác định thu nhập đối với hoạt động chế biến thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có thể chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, nhân viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt	1.551.225.247		1.147.296.279	
Tiền gửi ngân hàng	12.857.775.024		30.904.884.688	
Cộng	14.409.000.271		32.052.180.967	

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	26.517.104.181	26.517.104.181	25.590.390.249	25.590.390.249
Cộng	40.517.104.181	40.517.104.181	39.590.390.249	39.590.390.249

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	110.898.372.499	223.941.345.915
Bên liên quan	59.805.939.008	25.750.615.259
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	38.723.647.460	9.556.096.773
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	13.228.369.336	14.154.625.468
Công ty TNHH Phát triển Hùng Hậu	2.982.790.158	1.601.130.467
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	823.633.334	400.000.000
Trường Đại học Văn Hiến	4.047.498.720	38.762.551
Cộng	170.704.311.507	249.691.961.174

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	43.980.566.465	4.531.963.381
Bên liên quan	-	208.823.958
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	-	208.823.958
Cộng	43.980.566.465	4.740.787.339

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	20.972.171.901	-
Bên liên quan	36.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	36.000.000.000	-
Cộng	56.972.171.901	-

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	14.908.649.283	27.998.630.520
Phải thu tạm ứng	8.709.339.224	22.453.294.749
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	227.000.000	-
Lãi tiền gửi dự thu	1.600.532.292	1.012.668.596
Phải thu tiền lãi cho vay	3.270.361.323	2.221.219.515
Quỹ trái tim Hùng Hậu	500.000.000	-
Các đối tượng khác	601.416.444	2.311.447.660
Bên liên quan	2.354.032.893	682.536.000
Trường Đại học Văn Hiến	-	651.776.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	2.354.032.893	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	-	30.760.000
Cộng	17.262.682.176	28.681.166.520

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thủy sản Ông Trần	-	-	1.350.137.496	(675.068.748)
Công ty TNHH Du lịch và Tư vấn Việt Nga	-	-	552.104.300	(276.052.150)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	80.482.136	(56.337.495)	107.973.952	(53.986.976)
Các đối tượng khác	44.717.690	(31.302.383)	190.267.603	(95.133.802)
Cộng	125.199.826	(87.639.878)	2.200.483.351	(1.100.241.676)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.031.388.421	1.199.987.373
Công cụ, dụng cụ	2.437.904.044	2.487.776.614
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.225.014.726	2.363.061.079
Thành phẩm	349.223.811.130	297.025.646.069
Cộng	353.918.118.321	303.076.471.135

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	1.090.690.200	4.578.138.792	(4.253.276.743)	1.415.552.249
Chi phí bảo hiểm	342.637.791	588.671.377	(613.519.466)	317.789.702
Công cụ, dụng cụ	255.360.172	354.384.641	(518.584.939)	91.159.874
Chi phí khác	336.533.242	3.282.714.124	(3.266.984.664)	352.262.702
Cộng	2.025.221.405	8.803.908.934	(8.652.365.812)	2.176.764.527

10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bên thứ ba</i>	<i>2.187.874.858</i>	<i>3.809.271.449</i>
Ký quỹ thuê tài chính	1.444.050.000	3.035.629.000
Ký quỹ dài hạn khác	64.835.000	64.835.000
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	653.964.858	679.822.449
Các đối tượng khác	25.025.000	28.985.000
<i>Bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	2.187.874.858	3.809.271.449

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
Nguyên giá				
Số đầu năm	150.897.442.814	88.086.657.770	8.033.326.211	2.179.699.876
Tăng trong năm	14.349.577.758	13.915.925.173	1.729.360.746	-
Mua sắm mới	-	2.027.538.292	157.292.708	-
Xây dựng cơ bản	14.349.577.758	1.092.046.982	-	-
Tăng từ TS cho thuê tài chính	-	10.796.339.899	1.572.068.038	-
Giảm trong năm	(8.674.831.294)	(8.674.831.294)	(2.275.040.000)	(83.665.500)
Thanh lý	(8.674.831.294)	(8.674.831.294)	(2.275.040.000)	(83.665.500)
Số cuối năm	165.247.020.572	93.327.751.649	7.487.646.957	2.096.034.376

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	39.045.201.632	62.941.649.415	5.912.867.645	2.179.699.876
Tăng trong năm	4.987.295.069	9.079.791.371	2.141.351.775	-
Khấu hao trong năm	4.987.295.069	6.029.907.165	937.790.013	-
Tăng từ TS cho thuê tài chính	-	3.049.884.206	1.203.561.762	-
Giảm trong năm	(2.733.212.062)	(2.733.212.062)	(2.227.643.302)	(83.665.500)
Thanh lý	(2.733.212.062)	(2.733.212.062)	(2.227.643.302)	(83.665.500)
Số cuối năm	44.032.496.701	69.288.228.724	5.826.576.118	2.096.034.376

Giá trị còn lại

	Số đầu năm	Số cuối năm
Số đầu năm	111.852.241.182	25.145.008.355
Số cuối năm	121.214.523.871	24.039.522.925

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	72.988.868.204	64.267.704.711
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.177.580.087	34.363.605.974

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Số đầu năm	Số cuối năm
Nguyên giá		
Số đầu năm	16.697.898.840	1.572.068.038
Tăng trong năm	5.978.973.696	-
Thuê TC trong năm	5.978.973.696	-
Giảm trong năm	(10.796.339.899)	(1.572.068.038)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(10.796.339.899)	(1.572.068.038)
Số cuối năm	11.880.532.637	11.880.532.637

Giá trị hao mòn

	Số đầu năm	Số cuối năm
Số đầu năm	2.924.273.643	899.290.530
Tăng trong năm	1.642.174.854	304.271.232
Khấu hao trong năm	1.642.174.854	304.271.232
Giảm trong năm	(3.049.884.206)	(1.203.561.762)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(3.049.884.206)	(1.203.561.762)
Số cuối năm	1.516.564.291	1.516.564.291

Giá trị còn lại

	Số đầu năm	Số cuối năm
Số đầu năm	13.773.625.197	672.777.508
Số cuối năm	10.363.968.346	10.363.968.346



13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	101.888.720.014	393.100.000	102.281.820.014
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.051.863.464	327.343.939	9.379.207.403
Tăng trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Khấu hao trong năm	1.184.671.824	13.749.996	1.198.421.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	10.236.535.288	341.093.935	10.577.629.223
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	92.836.856.550	65.756.061	92.902.612.611
Số cuối năm	91.652.184.726	52.006.065	91.704.190.791

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã được thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng và Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay	89.783.227.826	90.967.899.650
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	283.100.000	283.100.000

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Trung tâm thương mại và Căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Chi phí sửa chữa Văn Phòng 613 Âu Cơ	-	6.013.876.639
Dự án nhà máy Happyfood Vietnam tại Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sóc Trăng, Đồng Tháp	100.562.723.583	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.078.872.390	5.576.125.006
Cộng	106.519.630.064	13.468.035.736

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc (*)	30%	900.000.000	900.000.000	30%	900.000.000	900.000.000
Cộng		900.000.000	900.000.000		900.000.000	900.000.000

(*) Tại ngày đầu năm và cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này nên giá trị hợp lý được trình bày theo giá gốc.

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	303.088.000	159.520.000	207.376.000
Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP) (*)		65.980.000	65.980.000	65.980.000	65.980.000
Công ty CP Thực phẩm Hùng Hậu (*)	17%	30.600.000.000	30.600.000.000	17%	30.600.000.000
Quỹ trái tim Hùng Hậu (*)		-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng		30.825.500.000	30.969.068.000	31.325.500.000	31.373.356.000

(*) Tại ngày đầu năm và cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này nên giá trị hợp lý được trình bày theo giá gốc.

(**) Theo báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023 của Công ty CP Thực phẩm Hùng Hậu chưa được kiểm toán thì hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi và khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 không giảm giá trị của khoản đầu tư. Do đó, Công ty trình bày giá trị hợp lý bằng giá gốc.

17. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Khoản đầu tư 250 trái phiếu (Mệnh giá là 1.000.000 VND/trái phiếu) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ARG), kỳ hạn đến 24/09/2026.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Tăng trong năm		Kết chuyển vào chi phí SXKD	
	Số đầu năm	Số cuối năm	trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	40.506.069.242	1.786.506.355	(1.508.749.076)	40.783.826.521
Chi phí sửa chữa	268.364.509	4.102.284.499	(915.937.837)	3.454.711.171
Công cụ, dụng cụ	530.454.611	1.294.804.564	(394.397.024)	1.430.862.151
Cộng	41.304.888.362	7.183.595.418	(2.819.083.937)	45.669.399.843

19. Lợi thế thương mại

Số đầu năm	-
Tăng trong năm	502.859.016
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(37.714.426)
Số cuối năm	465.144.590

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	28.500.688.531	33.212.624.936
Bên liên quan	2.922.230.602	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	2.922.230.602	-
Cộng	31.422.919.133	33.212.624.936

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	(55.114.609)	-	-	(55.114.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.090.191.576	8.358.361.699	(3.495.382.541)	13.953.170.734
Thuế thu nhập cá nhân	1.067.824.755	1.036.331.420	(576.720.477)	1.527.435.698
Thuế tài nguyên	6.076.160	40.351.360	(39.839.360)	6.588.160
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.639.485.360	4.546.523.289	(1.708.578.442)	4.477.430.207
Các khoản thuế khác	3.000.000	40.500.000	(43.500.000)	-
Cộng	11.751.463.242	14.022.067.768	(5.864.020.820)	19.909.510.190

(*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” (Mã số 153)

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.17.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau (Xem thuyết minh VI.09).

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương trong năm còn phải thanh toán cho người lao động.

23. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	9.610.581.101	6.494.609.884
Kinh phí công đoàn	1.711.205.191	1.701.883.403
Bảo hiểm xã hội	5.687.239.796	3.496.247.411
Bảo hiểm y tế	917.763.202	455.238.520
Bảo hiểm thất nghiệp	388.311.623	184.554.045
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	144.055.600	118.301.309
Các khoản phải trả khác	762.005.689	538.385.196
Bên liên quan	-	-
Cộng	9.610.581.101	6.494.609.884

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (a)	592.815.647.941	574.149.821.992
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.940.675.404	22.718.419.601
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	239.196.000.000	231.866.980.420
Ngân hàng TMCP Á Châu	18.977.856.116	21.480.937.893

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	97.927.536.000	85.941.095.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	213.773.580.421	207.146.611.690
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	4.995.777.388
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (b)	24.971.138.652	19.200.637.863
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	13.533.524.004	4.996.400.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	9.100.116.000	9.100.116.000
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	1.087.498.644	5.104.121.863
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.250.000.004	-
Cộng	617.786.786.593	593.350.459.855

(a) Vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các Hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	UOB/HCMC/C ASL/20234	12 tháng		22.940.675.404	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	201918906827	12 tháng		239.196.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu	CVL.DN.1856.290622	12 tháng	83.200,00	2.035.072.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1606-LAV-202200045	12 tháng		11.300.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	01/2022/17778 31/HSTD	12 tháng		209.241.900.681	Thế chấp
	01/2022/17778 31/HSTD	12 tháng	185.269,00	4.531.679.740	Thế chấp
Cộng				592.815.647.941	

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	22.718.419.601	49.742.537.775	(49.520.281.972)	-	22.940.675.404
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	231.866.980.420	506.847.000.000	(499.355.241.340)	(162.739.080)	239.196.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	21.480.937.893	81.055.034.505	(83.663.256.032)	105.139.750	18.977.856.116



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	85.941.095.000	187.352.755.212	(177.031.730.212)	1.665.416.000	97.927.536.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	207.146.611.690	472.700.791.623	(465.932.292.492)	(141.530.400)	213.773.580.421
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	4.995.777.388	357.763.551	(5.353.540.939)	-	-
Cộng	574.149.821.992	1.298.055.882.666	(1.280.856.342.987)	1.466.286.270	592.815.647.941

(b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính (xem thuyết minh V.27). Chi tiết khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Số đầu năm	Vay và nợ đến hạn trả trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4.996.400.000	13.533.524.004	(4.996.400.000)	-	13.533.524.004
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	9.100.116.000	9.100.116.000	(9.100.116.000)	-	9.100.116.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	5.104.121.863	1.087.498.644	(5.104.121.863)	-	1.087.498.644
Cộng	19.200.637.863	24.971.138.652	(19.200.637.863)	-	24.971.138.652

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

25. Phải trả dài hạn người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bên thứ ba</i>	15.982.472.961	10.603.469.162
<i>Bên liên quan</i>	-	-
Cộng	15.982.472.961	10.603.469.162

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

26. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bên thứ ba</i>	-	-
<i>Bên liên quan</i>	35.454.300.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	35.454.300.000	4.000.000.000
Cộng	35.454.300.000	4.000.000.000

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

27. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn (a)</i>	84.878.341.996	39.214.982.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	69.532.375.996	14.768.900.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	15.345.966.000	24.446.082.000
<i>Nợ thuê tài chính (b)</i>	5.209.838.088	2.859.836.737
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	1.772.338.093	2.859.836.737
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.437.499.995	-
Cộng	90.088.180.084	42.074.818.737

(a) Khoản vay dài hạn của ngân hàng theo các hợp đồng cụ thể như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1606-LDS202001537	60 tháng	296.400.000	372.500.000	668.900.000	Thế chấp
	1606-LAV201600721	120 tháng	4.700.000.004	9.399.999.996	14.100.000.000	Thế chấp
	1606-LAV-202200841	84 tháng	8.537.124.000	59.759.876.000	68.297.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	1.866.290.000	5.066.330.000	Thế chấp
	LD1623100128	60 tháng	4.530.000.000	9.060.000.000	13.590.000.000	Thế chấp
	LD1728500607	120 tháng	1.370.076.000	4.419.676.000	5.789.752.000	Thế chấp
Cộng			22.633.640.004	84.878.341.996	107.511.982.000	

(b) Khoản nợ thuê tài chính theo các hợp đồng cụ thể như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		
		Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
2021-00196-000	48 tháng	392.353.428	555.833.989	948.187.417
2021-00195-001	48 tháng	695.145.216	1.216.504.104	1.911.649.320
64/2023/CN.MN-CTTC	48 tháng	1.250.000.004	3.437.499.995	4.687.499.999
Cộng		2.337.498.648	5.209.838.088	7.547.336.736



Chi tiết khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển đến hạn trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	39.214.982.000	68.297.000.000	-	(22.633.640.004)	84.878.341.996
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	14.768.900.000	68.297.000.000	-	(13.533.524.004)	69.532.375.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	24.446.082.000	-	-	(9.100.116.000)	15.345.966.000
Nợ thuê tài chính	2.859.836.737	5.000.000.000	(312.500.001)	(2.337.498.648)	5.209.838.088
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.859.836.737	-	-	(1.087.498.644)	1.772.338.093
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	5.000.000.000	(312.500.001)	(1.250.000.004)	3.437.499.995
Cộng	42.074.818.737	73.297.000.000	(312.500.001)	(24.971.138.652)	90.088.180.084

Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ nêu trên.

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	221.560.600.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.968.095.458	-	290.958.720.873
Lãi trong năm	-	-	-	-	12.988.143.709	-	12.988.143.709
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	13.290.940.000	-	-	-	(13.290.940.000)	-	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(383.645.779)	-	(383.645.779)
Số dư cuối năm trước (số dư đầu năm nay)	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	17.281.653.388	-	303.563.218.803
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.713.529.280	-	10.713.529.280
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(14.090.486.400)	-	(14.090.486.400)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	30.421.099.975	30.421.099.975
Giảm do thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	-	-	-	(40.764.210)	-	(40.764.210)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(480.923.523)	-	(480.923.523)
Số dư cuối năm nay	234.851.540.000	46.428.827.960	(10.100.000)	5.011.297.455	13.383.008.535	30.421.099.975	330.085.673.925

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/12/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua mức thù lao Hội đồng Quản trị, thư ký là 3% lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức bằng tiền mặt tương đương 6%/ trên số cổ phiếu đang lưu hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2022.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi tiết tình hình vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	120.448.160.000	51,287%	120.448.160.000	51,287%
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	23.474.530.000	9,995%	23.474.530.000	9,995%
Các đối tượng khác	90.928.850.000	38,718%	90.928.850.000	38,718%
Cộng	234.851.540.000	100,000%	234.851.540.000	100,000%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.485.154	23.485.154
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.485.154	23.485.154
- Cổ phiếu phổ thông	23.485.154	23.485.154
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.484.144	23.484.144
- Cổ phiếu phổ thông	23.484.144	23.484.144
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (ngoại tệ các loại)

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	13.803,78	46.137,10
EUR	4.099,29	175,01
CNY	2.775,20	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	1.396.812.606.867	1.333.178.991.856
- Doanh thu bán hàng hóa	-	22.844.111.083
- Doanh thu bán thành phẩm	1.318.213.998.634	1.265.940.965.619
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.598.608.233	44.393.915.154
Các khoản giảm trừ doanh thu	52.240.441	1.352.756.432
- Chiết khấu thương mại	8.193.489	-
- Giảm giá hàng bán	17.210.200	19.809.427
- Hàng bán bị trả lại	26.836.752	1.332.947.005
Doanh thu thuần	1.396.760.366.426	1.331.826.235.424
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	22.844.111.083
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.318.161.758.193	1.264.588.209.187
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	78.598.608.233	44.393.915.154

(*) Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.01)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	-	10.956.742.305
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	1.257.378.784.736	1.210.816.152.729
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	40.662.614.457	23.715.579.919
Cộng	1.298.041.399.193	1.245.488.474.953

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.018.477.594	4.148.516.522
Cổ tức được chia	89.331.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.164.307.122	5.037.360.239
Cộng	12.272.115.916	9.185.876.761

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	54.692.276.002	38.231.030.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.206.651.369	5.723.929.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.530.073.379	2.835.980.335
Cộng	60.429.000.750	46.790.940.425

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.920.678.206	5.390.903.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.564.930.379	10.275.617.433
Chi phí khác	2.758.703.373	2.272.833.772
Cộng	13.244.311.958	17.939.354.760

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.485.109.773	10.458.119.154
Chi phí khấu hao	390.015.118	401.306.376
Thuế, phí và lệ phí	16.493.904	36.062.595
Chi phí dự phòng	(1.012.601.798)	1.100.241.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.876.246.451	2.673.967.064
Chi phí khác	5.870.242.015	4.381.227.806
Cộng	19.625.505.463	19.050.924.671

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.626.321.402	15.835.455
Thu bồi thường, hỗ trợ	330.098.000	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	-	6.748.131.691
Thu nhập khác	154.751.375	2.915.673.723
Cộng	2.111.170.777	9.679.640.869



8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt hành chính về thuế, bảo hiểm	667.924.432	1.048.736.729
Chi phí khác	43.455.570	127.220.199
Cộng	711.380.002	1.175.956.928

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.092.055.753	20.246.101.317
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.544.143.458	17.045.924.930
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.372.079.335	17.783.247.541
+ Chi phí không được trừ	25.025.028.807	17.776.799.166
+ Lợi thế thương mại	37.714.426	-
+ Lỗ không chịu thuế của Công ty con	309.336.102	6.448.375
- Các khoản điều chỉnh giảm	(827.935.877)	(737.322.611)
+ Cổ tức	(89.331.200)	-
+ Lãi không chịu thuế	(738.604.677)	(737.322.611)
Tổng thu nhập tính thuế	43.636.199.211	37.292.026.247
Trong đó:		
- Thu nhập được ưu đãi (15%)	7.377.562.864	6.958.243.267
- Thu nhập không được ưu đãi (20%)	36.258.636.347	30.333.782.980
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.358.361.699	7.110.493.086
Trong đó:		
- Thuế TNDN từ thu nhập ưu đãi (15%)	1.106.634.430	1.043.736.490
- Thuế TNDN từ thu nhập không ưu đãi (20%)	7.251.727.269	6.066.756.596

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư Công ty con	738.604.677	737.322.611
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	147.720.936	147.464.522

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.713.529.280	12.988.143.709
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(321.405.878)	(480.923.523)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(321.405.878)	(480.923.523)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.392.123.402	12.507.220.186
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.484.144	22.468.206
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	443	557

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm, thù lao của Hội đồng Quản trị và thư ký tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.484.144	22.155.050
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	313.156
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.484.144	22.468.206

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.251.737.818.427	1.186.255.490.800
Chi phí nhân công	66.618.718.453	65.252.879.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.137.574.579	15.407.726.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.935.959.580	29.620.476.805
Các chi phí khác	28.516.151.655	11.686.717.515
Cộng	1.382.946.222.694	1.308.223.291.476

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản chưa thanh toán	274.935.087	-
Tăng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	13.290.940.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia điều hành và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch HĐQT	502.767.500	360.387.345
Ông Vũ Quang Chính	Tổng GD	391.543.050	422.680.300
Ông Tống Văn Tùng	Tổng GD	-	88.961.129
Ông Nguyễn Văn Dol	Phó Tổng GD	377.224.697	364.832.962
Ông Nguyễn Tú Kỳ	Phó Tổng GD	692.823.869	569.102.605
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Tổng GD	-	59.443.005
Bà Nguyễn Yến	Phó Tổng GD	191.675.000	160.939.014
Bà Nguyễn Thanh Hà	Phó Tổng GD	-	-
Cộng		2.156.034.116	2.026.346.360

Thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Từ Thanh Phụng	Chủ tịch	72.000.000	69.300.000
Bà Phạm Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	61.200.000	69.300.000
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	13.500.000	54.000.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Tống Văn Tùng	Thành viên	-	9.000.000
Bà Huỳnh Thanh	Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Quang Chính	Thành viên	54.000.000	40.500.000
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	13.500.000	54.000.000
Bà Lê Thị Thùy Phương	Thành viên	40.500.000	-
Cộng		308.700.000	350.100.000

Các bên liên quan khác với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Trường Đại học Văn Hiến	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu	Thành viên cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.307.628.731	1.393.860.717
Cho mượn tiền	1.000.000.000	2.230.000.000
Mượn tiền	84.704.300.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.515.309.010	11.039.931.951
Chi phí mua hàng hóa	4.769.201.558	1.989.574.245
Cho vay tiền	36.000.000.000	-
Cho mượn tiền	11.790.000.000	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	931.536.464	370.370.370
Trường Đại học Văn Hiến		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.596.284.609	30.325.521.542
Cho mượn tiền	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.057.408	339.730.486

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải thu, nợ phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.982.790.158	1.601.130.467
Phải thu ngắn hạn khác	-	30.760.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.723.647.460	9.556.096.773
Phải thu về cho vay ngắn hạn	36.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.354.032.893	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	208.823.958
Công ty Cổ phần Giáo dục Hùng Hậu		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	823.633.334	400.000.000
Trường Đại học Văn Hiến		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.047.498.720	38.762.551
Phải thu ngắn hạn khác	-	651.776.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.228.369.336	14.154.625.468
Công nợ phải thu	101.430.333.224	26.641.975.217
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu		
Phải trả dài hạn khác	35.454.300.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hùng Hậu		
Phải trả người bán ngắn hạn	2.922.230.602	-
Công nợ phải trả	38.376.530.602	4.000.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	242.491.019.671	267.070.413.644
Trong nước	1.154.269.346.755	1.064.755.821.780
Cộng	1.396.760.366.426	1.331.826.235.424

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản, nông sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá, ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Một số chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 đã được Công ty ghi nhận điều chỉnh và trình bày lại. Theo đó, số liệu một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước trình bày trong Báo cáo năm nay cũng được lập lại dựa theo thay đổi trên để đảm bảo tính so sánh. Chi tiết như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		Số liệu điều chỉnh lại
	Mã số	Số	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.763.937.462	11.806.577.851
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.324.293.777	17.281.653.388



	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.067.852.697	7.110.493.086
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16.030.784.098	12.988.143.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	692	557

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Người lập biểu / Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mỹ Diệu



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023



Số: 40/2023/BCKT/SV-VP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 11 năm 2023 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số: 02-2/BCKT/TC ngày 12 tháng 12 năm 2022 và đưa ra ý kiến kiểm toán dưới dạng chấp nhận toàn phần.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2023-107-1

Kiểm toán viên


LÊ NGỌC KHANH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1804-2023-107-1



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán lập ngày 27/11/2023 bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Toàn văn chi tiết của Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã kiểm toán được Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu công bố trên thị trường chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và được đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <https://himex.vn/wp-content/uploads/2023/12/SJ1-BCTC-rieng-nam-2023-da-duoc-kiem-toan.pdf>

Đường dẫn để tải Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2023 đã được kiểm toán như sau: <https://himex.vn/wp-content/uploads/2023/12/SJ1-BCTC-rieng-nam-2023-da-duoc-kiem-toan.pdf>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TU THANH PHỤNG



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 3974 1135- (028) 3974 1136



(028) 3974 1280



<https://himex.vn>

